

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



DUCLONG GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 cấp lần đầu ngày 13/06/2007, thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/12/2013)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG, PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TRẢ CỔ TỨC VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 58/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 10 năm 2014)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại các địa điểm sau từ ngày 10/10/2014:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Trụ sở: Số 2 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Pleiku, Gia Lai

Điện thoại: (059) 3 747 437 Fax: (059) 3 747 366

Website: www.duclonggroup.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Trụ sở: 11 Nguyễn Thị Diệu, phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3930. 8181 Fax: (84-8) 3930. 6543

Website: www.vdse.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Bà: Vũ Thị Hải, Chức vụ: Ban Quan Hệ Nhà Đầu Tư

Điện thoại: (059) 374 8367 Fax: (059) 3747366

Gia Lai, năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863, cấp lần đầu ngày 13/06/2007, thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/12/2013)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG, PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TRẢ CỔ TỨC VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

- ❖ Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai
- ❖ Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá bán : 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng phát hành : 79.509.182 cổ phiếu
- ❖ Tổng giá trị phát hành : 795.091.820.000 đồng (tính theo mệnh giá)
- ❖ Đối tượng phát hành :
 - Chào bán cho cổ đông hiện hữu 69.744.898 cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu là 1:1.
 - Phát hành 4.184.693 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu là 100:6 (tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng là 6%)
 - Phát hành 5.579.591 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu là 100:8 (tỷ lệ 8%)



TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Trụ sở: 11 Nguyễn Thị Diệu, phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3930. 8181 Fax: (84-8) 3930. 6543

Website: www.vdse.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KÊ TOÁN AAC

Trụ sở: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3655 886 Fax: (84-511) 3655 887

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp	5
3. Rủi ro đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh	6
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán	8
5. Rủi ro pha loãng	9
6. Rủi ro khác	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
1. Tổ chức phát hành	12
2. Tổ chức tư vấn	12
III. CÁC KHÁI NIỆM	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
2. Sơ đồ tổ chức	20
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	20
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	27
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	29
6. Hoạt động kinh doanh	30
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	49
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	50
9. Chính sách đối với người lao động	53
10. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức	56
11. Tình hình tài chính	56
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	64
13. Tài sản	80
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	81
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	83
16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành	84

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty	84
V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH	84
1. Loại cổ phiếu:.....	84
2. Mệnh giá:	84
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:	84
4. Giá chào bán dự kiến	84
5. Phương pháp tính giá.....	84
6. Phương thức phân phối	85
7. Thời gian phân phối cổ phiếu	88
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	89
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	91
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	91
11. Các loại thuế liên quan.....	91
12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần	92
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	92
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	92
1. Kế hoạch cụ thể.....	93
2. Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:	108
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	109
IX. PHỤ LỤC.....	110

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố kinh tế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

Tiếp tục bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế từ những năm trước, năm 2012 và 2013 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn. Điều này được thể hiện rõ nhất ở tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2012 chỉ đạt 5,03% thấp hơn nhiều mục tiêu tăng trưởng do Quốc hội đề ra (6-6,5%) và giảm 0,86% so với năm 2011. Năm 2013, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 5,4%, đưa tốc độ tăng trưởng bình quân 3 năm 2011 – 2013 đạt 5,6%, là mức thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. Tình hình kinh tế liên tục có những diễn biến khó lường, nếu như trong năm 2011 Việt Nam phải đối mặt với tình trạng lạm phát tăng cao với tỷ lệ lạm phát lên đến 18,13% thì bước sang năm 2012 tỷ lệ này là 6,81% giảm đáng kể so với năm 2011. Năm 2013 tình hình kinh tế - xã hội có chuyển biến tích cực và đạt nhiều kết quả. Lạm phát tiếp tục được kiểm chế ở mức 6,04%, dự trữ ngoại hối tăng, tỷ giá ngoại tệ tương đối ổn định, xuất khẩu tăng trưởng khá, nhập khẩu thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất bắt đầu tăng trở lại.. Kết quả này là rất tích cực tuy nhiên trước tình hình giá cả các mặt hàng chủ chốt như xăng dầu, điện được phép điều chỉnh tăng khiến mặt bằng giá cả hàng hoá có dấu hiệu tăng trở lại, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngành kinh doanh chủ yếu của Công ty là chế biến gỗ, đá granite, dịch vụ bến xe, khách sạn đang bị ảnh hưởng từ giá nguyên vật liệu cao, chi phí vốn cao cũng như sự mất dần về lợi thế về nguồn vật liệu do chính sách đóng cửa rừng của chính phủ nhưng những rủi ro này đã được Công ty dự báo và hạn chế đến mức tối thiểu như xây dựng kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu tốt, tìm đối tác tín dụng tin cậy và nguồn tín dụng sử dụng ổn định có chi phí hợp lý. Có thể nói những tác động này ảnh hưởng đến giá cổ phiếu không nhiều và nếu có là do bối cảnh thị trường tài chính-chứng khoán nói chung.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty, trong đó phải kể đến Luật Bảo vệ rừng. Hệ thống luật của Việt Nam đã và đang được dần hoàn thiện, tuy nhiên chưa được hoàn chỉnh. Các văn bản dưới luật còn nhiều chồng chéo và tính ổn định của

văn bản luật chưa cao. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy, trong suốt quá trình triển khai hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến nghiên cứu, vận dụng và tuân thủ các quy định pháp luật; đồng thời sẵn sàng cho các phương án dự phòng trong trường hợp có sự thay đổi chính sách pháp luật đã dự kiến.

3. Rủi ro đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh

3.1. Ngành kinh doanh và chế biến sản phẩm gỗ

Việt Nam hiện là quốc gia đứng thứ 12 trên thế giới về sản xuất gỗ và thứ 6 về xuất khẩu gỗ trên thế giới. Tại khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là nhà xuất khẩu gỗ lớn nhất. Theo tính toán của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ và sản phẩm gỗ năm 2013 đạt 5,5 tỷ USD. Dự kiến vào năm 2020 sẽ đạt ở con số 7 tỷ USD. Tuy nhiên Việt Nam vẫn phải nhập khẩu khoảng 80% nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ xuất khẩu. Nguồn nguyên liệu gỗ tự nhiên trong nước dần cạn kiệt song song với chính sách đóng cửa rừng của chính phủ được thực thi, đã dẫn đến nguy cơ ngăn cản sự phát triển và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp ngành xuất khẩu và chế biến đồ gỗ nói chung.

Trước tình hình đó, Công ty đã có kế hoạch chủ động nguồn nguyên liệu dài hạn bằng việc tăng cường công tác trồng rừng. Rủi ro về nguồn nguyên liệu của Công ty về dài hạn sẽ được hạn chế ở mức tối thiểu.

3.2. Ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ

Ngành kinh doanh dịch vụ bến xe và bãi đỗ đã được Chính phủ cho phép xã hội hóa việc đầu tư. Đây là hình thức đầu tư “**Nhà nước và tư nhân cùng làm**” để một mặt đảm bảo lợi ích của chủ đầu tư nhưng mặt khác nhằm tăng cường lợi ích công cộng cho người dân. Nhu cầu đi lại ngày càng tăng cam kết ngành kinh doanh đầy tiềm năng. Đặc thù với loại hình kinh doanh này là đầu tư một lần và sau đó duy trì công tác vận hành và thu phí. Dòng tiền của Công ty tạo ra bởi ngành kinh doanh này cao và ổn định. Vì vậy, rủi ro đặc thù liên quan đến ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ là không đáng kể.

3.3. Ngành kinh doanh khai thác và chế biến khoáng sản

Chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản đưa ra các cơ chế quản lý chặt chẽ, đòi hỏi các doanh nghiệp khai khoáng đáp ứng các điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, các điều kiện đảm bảo môi trường, phúc lợi đối với địa phương nơi doanh nghiệp khai thác. Nếu không đáp ứng đủ các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc trong hoạt động khai thác mỏ cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro này là không đáng kể do Công ty có đủ năng lực khai

thác đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một rủi ro khác về khai thác là khả năng đánh giá chính xác về trữ lượng, chất lượng khoáng sản và công suất khai thác. Công suất khai thác thực tế không đạt được như trữ lượng ước tính ban đầu, hoặc không đủ để khai thác công nghiệp, doanh nghiệp phải chịu thua lỗ sẽ đẩy chi phí giá thành lên cao, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm, và hiệu quả thu được không lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.4. Ngành trồng và khai thác cây cao su

Hoạt động trồng, khai thác và chế biến mủ cao su của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng nhiều bởi những thay đổi của thời tiết và khí hậu. Do đó, trong những trường hợp mưa nắng thất thường sẽ ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng sản phẩm, kế hoạch khai thác cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra giá cả cao su Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thị trường cao su thế giới, và đặc biệt là có mối tương quan mật thiết với giá dầu thế giới. Hiện nay, thế giới sử dụng cùng lúc hai loại cao su: cao su thiên nhiên (cao su khai thác từ cây cao su) và cao su tổng hợp (cao su được chiết xuất từ dầu mỏ). Hai loại sản phẩm này là sản phẩm thay thế nhau. Vì thế, khi giá dầu giảm, giá cao su tổng hợp sẽ giảm so với giá cao su tự nhiên và ngược lại. Do vậy, biến động giá dầu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của ngành cao su.

3.5. Ngành thủy điện

Do ưu tiên phát triển thủy điện nằm trong chiến lược phát triển chung của ngành điện từ nay đến năm 2020, các dự án thủy điện được hưởng nhiều ưu đãi về thuế suất, chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước. Tuy nhiên, các Công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện cũng gặp không ít rủi ro: thời tiết là rủi ro chủ yếu. Do sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc nhiều và trữ lượng nước, trong trường hợp hạn hán kéo dài làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế sẽ ảnh hưởng lớn đến sản lượng điện sản xuất của nhà máy.

3.6. Ngành kinh doanh bất động sản, xây dựng và vận hành các công trình giao thông BOT

Vốn lớn cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng, thiết kế, xây dựng, thời gian... là rủi ro đáng kể đối với dòng tiền của Công ty. Ngoài ra, biến động giá cả nguyên vật liệu, nhu cầu của khách hàng... cũng ảnh hưởng lớn đến ngành kinh doanh bất động sản của Công ty. Tuy nhiên, Công ty luôn chú trọng công tác đầu tư, nghiên cứu các dự án có hiệu quả; do đó rủi ro của Công ty cũng được hạn chế ở mức tối thiểu.

Hiện nay, tuyến Quốc lộ 14 là con đường ngắn nhất nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên với Thành phố Hồ Chí Minh. Nhu cầu đi lại về các tỉnh lớn, cùng với ưu điểm về thời gian và chi phí đi lại trên tuyến đường này là lợi thế cho các doanh nghiệp đầu tư, khai thác và vận hành công trình hạ tầng giao thông BOT, tạo nguồn doanh thu ổn định và lâu dài cho Công ty. Tuy nhiên, trong tương lai khi Công ty thực hiện đầu tư các tuyến quốc lộ khác nhau thì không loại trừ khả năng có thêm những đơn vị khác đến thị trường, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng, phát triển của Công ty. Ngoài ra, các lĩnh vực hoạt động đầu tư, khai thác, xây dựng và kinh doanh hạ tầng giao thông hiện đang có rất nhiều doanh nghiệp của nhà nước, nước ngoài và của các thành phần kinh tế khác tham gia nên khả năng Công ty gặp phải sự cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực này là điều không thể tránh khỏi.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

✦ Rủi ro của đợt chào bán:

Trong giai đoạn từ 01/4/2014 – 27/5/2014, giá thị trường của cổ phiếu DLG dao động từ khoảng 6.100 đồng/cổ phiếu đến 11.100 đồng/cổ phiếu, bình quân đạt 8.500 đồng/cổ phiếu. Trong khi giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán này là 10.000 đồng/cổ phiếu, cao hơn 17,65% so với mức giá bình quân nói trên. Vì vậy, nếu thị trường chứng khoán tiếp tục có những diễn biến không tích cực, có khả năng giá cổ phiếu DLG sẽ duy trì hoặc xuống dưới vùng giá bình quân này khiến các cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua. Trong trường hợp đó, số lượng cổ phiếu chưa được phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng: Hội đồng Quản trị chào bán cho các đối tượng khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và DLG có thể xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn thời gian chào bán nếu xét thấy cần thiết.

Tình hình thị trường tài chính vẫn chưa thật sự ổn định có thể xuất hiện rủi ro các đối tượng khác không mua số lượng cổ phiếu DLG còn dư sau đợt chào bán. Công ty sẽ tìm kiếm các nguồn tài trợ mới từ các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng để đảm bảo thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh vì lợi ích chung của công ty và của các cổ đông. Tuy nhiên, với triển vọng nền kinh tế cả nước đang có những dấu hiệu khả quan và kết quả kinh doanh quý 1/2014 Công ty đạt được cao gấp nhiều lần so với cùng kỳ năm trước thì khả năng thu hút sự quan tâm của các cổ đông, các nhà đầu tư đối với cổ phiếu DLG là rất lớn.

✦ Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:

Mục đích của việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty là bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty để đầu tư vốn lưu động vào các dự án Công ty đang

triển khai như: trồng bắp, trồng cao su, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, khai thác và chế biến chì – kẽm và các dự án khác. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến như sau:

STT	Dự án	Số tiền (đồng)
1	Dự án trồng bắp (1000 ha) bao gồm cả hệ thống nhà máy sấy	100.000.000.000
2	Dự án mỏ chì – kẽm	50.000.000.000
3	Dự án trồng cao su	50.000.000.000
4	Dự án BOT Gia Lai	100.000.000.000
5	Dự án BOT Đắk Nông	82.000.000.000
6	Bổ sung vốn lưu động vào các hoạt động hiện có của công ty để nâng cao doanh thu và bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực tài chính, cải thiện dòng ngân lưu, giảm nợ vay đến hạn của công ty	315.448.980.000
	Tổng cộng	697.448.980.000

Các dự án trên đã được Công ty khảo sát, nghiên cứu kỹ lưỡng về hiệu quả kinh tế, tính khả thi cũng như lên dự toán chi phí. Tuy nhiên quá trình triển khai có thể gặp những rủi ro liên quan đến tính pháp lý dự án như: thủ tục hành chính phức tạp, thời gian cấp phép triển khai dự án kéo dài hơn dự kiến,...Ngoài ra, sau khi xong thủ tục, quá trình thực hiện dự án cũng có thể gặp những rủi ro liên quan đến việc triển khai máy móc thiết bị và công tác giải phóng mặt bằng, dẫn đến tiến độ của dự án không theo kế hoạch dự kiến, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế và tính khả thi của các dự án này.

Công ty dự kiến tỷ lệ chào bán thành công là 100%. Trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, phần vốn còn thiếu, Công ty dự kiến sẽ vay ngân hàng hoặc các đối tác chiến lược khác để triển khai các dự án, tùy thuộc vào điều kiện thị trường và đảm bảo được lợi ích tối đa của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share), (ii) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần, ((iii) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Về EPS và giá trị sổ sách

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty, cụ thể như sau:

Thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS:

▪ Công thức tính:	$EPS \text{ (cơ bản)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành của DLG: (1)	69.744.898
▪ Số lượng cổ phần phát hành thêm của DLG: (2)	79.509.182
▪ Tỷ lệ số cổ phần phát hành thêm/số cổ phần đang lưu hành	114%
▪ Số lượng cổ phần lưu hành dự kiến : (3)=(1)+(2) sau khi chào bán	149.254.080
▪ Số lượng cổ phần lưu hành bình quân năm 2014: (4)={ (1) + (3) }/2	109.499.489
▪ Lợi nhuận sau thuế năm 2014 (dự kiến): (5)	91.000.000.000
▪ EPS trước khi chào bán: (6)=(5)/(1)	1.304
▪ EPS sau khi chào bán: (7)=(5)/(4)	831

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

▪ Công thức tính:	$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Tổng tài sản} - \text{Nợ phải trả} - \text{Tài sản vô hình}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành} - \text{cổ phiếu quỹ}}$
-------------------	--

▪ Áp dụng công thức tại thời điểm 31/12/2013:

STT	Khoản mục	Giá trị ước tính
1	Tổng tài sản tại 31/12/2013 (đồng)	2.420.313.140.855
2	Nợ phải trả tại 31/12/2013 (đồng)	1.508.807.366.681
3	Tài sản vô hình tại 31/12/2013 (đồng)	45.167.421.274
4	Số cổ phần đang lưu hành (CP)	69.744.898
5	Giá trị sổ sách 1 cổ phần (đồng/cổ phần) { 5 = (1-2-3)/4 }	12.421

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013

Như vậy, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 12.421 đồng. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành (tối đa 114% và với giả định không mua cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

⬇ Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

⬇ Về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm

- ✓ Trường hợp giá chào bán cổ phiếu cao hơn mức giá thị trường tại thời điểm chào bán: Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm không bị điều chỉnh.
- ✓ Trường hợp giá chào bán cổ phiếu thấp hơn mức giá thị trường tại thời điểm chào bán: Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

$$\frac{[(\text{Số lượng cổ phiếu trước đợt phát hành} \times \text{Giá cổ phiếu đang giao dịch trước khi pha loãng}) + (\text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm} \times \text{Giá phát hành})]}{(\text{Số lượng cổ phiếu trước đợt phát hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm})^{(*)}}$$

Ví dụ:

Số lượng cổ phiếu trước đợt phát hành:	69.744.898 cổ phiếu
Giá cổ phiếu đang giao dịch trước khi pha loãng:	12.400 đồng
Số lượng cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông:	4.184.693 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chia cho cổ đông từ nguồn VCSH:	5.579.591 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chào bán thêm:	69.744.898 cổ phiếu
Giá chào bán:	10.000 đồng

⇨ Áp các giá trị trên vào công thức ^(*) ta có:

$$\frac{[(69.744.898 \text{ cổ phiếu} \times 12.400 \text{ đồng}) + (4.184.693 \text{ cổ phiếu} \times 0 \text{ đồng}) + (5.579.591 \text{ cổ phiếu} \times 0 \text{ đồng}) + (69.744.898 \text{ cổ phiếu} \times 10.000 \text{ đồng})]}{(69.744.898 \text{ cổ phiếu} + 4.184.693 \text{ cổ phiếu} + 5.579.591 \text{ cổ phiếu} + 69.744.898 \text{ cổ phiếu})} = 10.467 \text{ đồng/1 cổ phiếu}$$

⇨ Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm là: 10.400 đồng/1 cổ phiếu

6. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành**

Ông Bùi Pháp	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Anh Hùng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Minh	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Hải	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện: Ông Nguyễn Thanh Tuyền

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, phát hành thêm cổ phiếu trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu do CTCP Chứng khoán Viễn Đông tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Những từ, nhóm từ viết tắt được thể hiện trong bản cáo bạch có nội dung như sau:

Công ty	: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
DLG	: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
CTCP	: Công ty Cổ phần
BKS	: Ban Kiểm soát
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BCTC	: Báo cáo tài chính
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Giấy CNĐKKD	: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLG) tiền thân là Xí nghiệp Tự doanh Đức Long được thành lập tháng 09/1995, với số vốn ban đầu là 3,6 tỷ đồng, sở hữu 9.700 m² và một dây chuyền chế biến gỗ thủ công và bán tự động. Sản phẩm chính của Công ty tại thời điểm đó là đồ gỗ nội thất, ván lát sàn và sản phẩm sân vườn. Sau 12 năm hoạt động, tháng 06/2007 Xí nghiệp đã chính thức chuyển đổi sang hình thức hoạt động công ty cổ phần, lấy tên hoạt động là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000135 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 13/06/2007 với số vốn điều lệ là 270 tỷ đồng, thay đổi lần thứ 21 ngày 31/12/2013 với số vốn điều lệ Công ty là 697.448.980.000 đồng.

Hiện nay, quy mô Công ty đã phát triển đáng kể. Trong đó, mảng kinh doanh gỗ sở hữu 150.000 m² mặt bằng nhà xưởng, sân bãi; 4 nhà máy sản xuất cùng 7 dây chuyền chế biến gỗ hiện đại. Công ty đã thành lập được hệ thống phân phối gỗ và đá gồm 15 đại lý trong nước, đồng thời phát triển 3 văn phòng đại diện tại Singapore, Nhật Bản và Mỹ. Đến nay sản phẩm và chất lượng của gỗ, đá Đức Long Gia Lai được biết đến nhiều cả trong và ngoài nước.

Từ khi thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Đức Long Gia Lai đã trở thành một tập đoàn lớn với 15 công ty thành viên, 3 công ty liên kết và nhiều chi nhánh trên toàn quốc với gần 40 ngành nghề kinh doanh. Tiếp tục mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực nhưng Đức Long Gia Lai xác định ngành nghề kinh doanh cốt lõi vẫn là:

- (i) Chế biến gỗ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu;
- (ii) Dịch vụ bến xe và bãi đỗ, xe buýt đô thị;
- (iii) Khai thác chế biến đá granite tự nhiên;

Song song với ngành nghề truyền thống của mình, mục tiêu hướng đến của Đức Long Gia Lai là đầu tư mở rộng phát triển vào các lĩnh vực đang là thế mạnh của Tây Nguyên: đầu tư thủy điện; trồng và chế biến cao su; khai thác, chế biến các loại khoáng sản kim loại màu và phi kim loại; đầu tư và kinh doanh bất động sản; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông theo hình thức BOT và BT. Đức Long Gia Lai đã góp phần mang lại hiệu quả không nhỏ về mặt kinh tế xã hội cho tỉnh Gia Lai nói riêng và khu vực Miền Trung - Tây Nguyên nói chung.

Kể từ khi thành lập đến nay, Đức Long Gia Lai đã nhận được hàng trăm giải thưởng về chất lượng sản phẩm và những đóng góp cho cộng đồng. Đặc biệt là năm 2005. Xí nghiệp Tự doanh Đức Long đã vinh dự được chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hạng ba. Năm 2010 Tập đoàn Đức Long Gia Lai lại một lần nữa vinh dự được chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hạng nhì. Riêng cá nhân ông Bùi Pháp, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho những thành tích, đóng góp của ông cho cộng đồng và xã hội. Điều này khẳng định vị thế của Đức Long Gia Lai không chỉ về mặt chất lượng, sản phẩm dịch vụ để đảm bảo tăng trưởng mà còn góp phần không nhỏ vào việc ổn định cuộc sống cho người lao động, đặc biệt là lao động nông nhân và người dân tộc thiểu số.

1.2. Quá trình tăng vốn của Công ty cho đến nay

Bảng 1: Thông tin về các lần tăng vốn của Công ty

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (đồng)	Ghi chú
13/06/2007	270.000.000.000	Vốn đăng ký ban đầu
24/10/2008	291.000.000.000	Phát hành riêng lẻ
04/04/2011	320.098.270.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng năm 2009
10/10/2011	352.107.080.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010
04/07/2012	485.440.080.000	Phát hành riêng lẻ
16/08/2012	670.851.080.000	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu
26/09/2013	697.448.980.000	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu

Nguồn: DLG

Thông tin về các lần tăng vốn của công ty cụ thể như sau:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 13 tháng 06 năm 2007, vốn điều lệ đăng ký ban đầu của Công ty là 270.000.000.000 đồng với 59 cổ đông tham gia góp vốn. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 31/12/2007, tổng số vốn thực góp của các cổ đông mới là 244.540.000.000 đồng. Sang năm 2008 một số cổ đông tiếp tục góp vốn theo cam kết và đã hoàn thành việc góp vốn đủ 270.000.000.000 đồng vào tháng 06 năm 2008.
- Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/07/2008/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/07/2008, Công ty đã thực hiện một đợt phát hành riêng lẻ, chào bán 10.000.000 cổ phần để tăng vốn lên 370.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, do diễn biến thị trường không thuận lợi, Công ty chỉ chào bán thành công 2.100.000 cổ phần cho 71 nhà đầu tư, tương đương với số vốn 21.000.000.000 đồng tính theo mệnh giá. Kết thúc đợt chào bán, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 291.000.000.000 đồng.
- Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 22/06/2010.

- Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2010, Công ty đã thực hiện phát hành 1.920.504 cổ phần trả cổ tức năm 2009 và 989.323 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu năm 2009, nâng vốn điều lệ công ty lên 320.098.270.000 đồng.
- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên của số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2011, công ty đã thực hiện phát hành 3.200.881 cổ phiếu trả cổ tức năm 2010 cho cổ đông hiện hữu. Vốn điều lệ công ty sau khi kết thúc đợt phát hành là 352.107.080.000 đồng.
- Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên của số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2011, Công ty đã tiến hành chào bán riêng lẻ 18.000.000 cổ phần cho cổ đông chiến lược. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn đã ảnh hưởng đến việc phát hành của công ty. Kết thúc đợt phát hành, số cổ phần đăng ký mua và được HĐQT phân phối là 13.333.300 cổ phần với giá phát hành là 13.500đồng/cp và thu về 179.999.550.000 đồng, chiếm tỷ lệ 74,074% tổng đợt phát hành. Sau khi kết thúc đợt phát hành, vốn điều lệ của công ty nâng lên 485.440.080.000 đồng.
- Ngày 02/04/2011, Công ty đã phát hành thành công 2.134.000 trái phiếu chuyển đổi với thời gian đáo hạn 02 năm kể từ ngày phát hành. Tuy nhiên, kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty cần tăng quy mô vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu phát triển. Vì vậy HĐQT đã thông qua việc chuyển đổi trái phiếu trước thời hạn trong năm 2012 và được UBCKNN chấp thuận cho chuyển đổi trước thời hạn. Theo đó, công ty đã chuyển đổi thành công 1.854.110 trái phiếu sang cổ phiếu với tỷ lệ chuyển đổi 1:10, nâng mức vốn điều lệ của công ty sau chuyển đổi lên 670.851.080.000 đồng.
- Ngày 26/09/2013, Công ty thực hiện chuyển đổi 265.979 trái phiếu còn lại đã phát hành năm 2011 với tỷ lệ chuyển đổi 1:10, nâng mức vốn công ty sau chuyển đổi lên 697.448.980.000 đồng.
- Sau hai lần chuyển đổi nói trên, số lượng trái phiếu còn lại là 13.911 trái phiếu, tương ứng với 1.391.100.000 đồng. Ngày 12/11/2013 Công ty đã có văn bản số 448/2013/CV-DLG gửi UBCKNN cam kết không tiến hành chuyển đổi số lượng trái phiếu còn lại nêu trên, đồng thời cam kết chi trả gốc và lãi cho các trái chủ. Quá trình chuyển trả gốc và lãi cho các trái chủ được tiến hành với các mốc thời gian cụ thể như sau:

- ✦ Từ 12/11/2013 – 31/12/2013: Công ty đã chuyển trả gốc và lãi cho các trái chủ với số tiền là 5.397.900 đồng. Số tiền trái phiếu phát hành đến hạn trả còn lại tại ngày 31/12/2013 là 1.385.702.100 đồng.
- ✦ Từ 01/01/2014 – 31/03/2014: Công ty đã chuyển trả gốc và lãi cho các trái chủ với số tiền là 97.302.100 đồng. Số tiền trái phiếu phát hành đến hạn trả còn lại tại ngày 31/03/2014 là 1.288.400.000 đồng.
- ✦ Từ ngày 01/4/2014 – 23/5/2014: Công ty đã chuyển trả gốc và lãi cho các trái chủ số tiền là 366.700.000 đồng. Số tiền trái phiếu phát hành đến hạn trả còn lại là 921.700.000 đồng. Đây chủ yếu là các trái chủ có số trái phiếu nhỏ lẻ và địa chỉ không rõ ràng. Công ty đang tìm mọi cách liên lạc với các trái chủ để thanh toán số tiền còn lại cho các trái chủ trong thời gian sớm nhất.

1.3. Giới thiệu về Công ty

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Tên tiếng anh: DUC LONG GIA LAI GROUP JSC

Địa chỉ: 02 Đặng Trần Côn, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Điện thoại: (059) 3 747 437 **Fax:** (059) 3 747 366

Website: www.duclonggroup.com

Logo:



Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ đăng ký: 697.448.980.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 697.448.980.000 đồng

Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863, cấp lần đầu ngày 13/06/2007, thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/12/2013.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;

Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác.

- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT).

- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;

Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng.

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;

Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao.

- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp.

- Cơ sở lưu trú khác;

Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

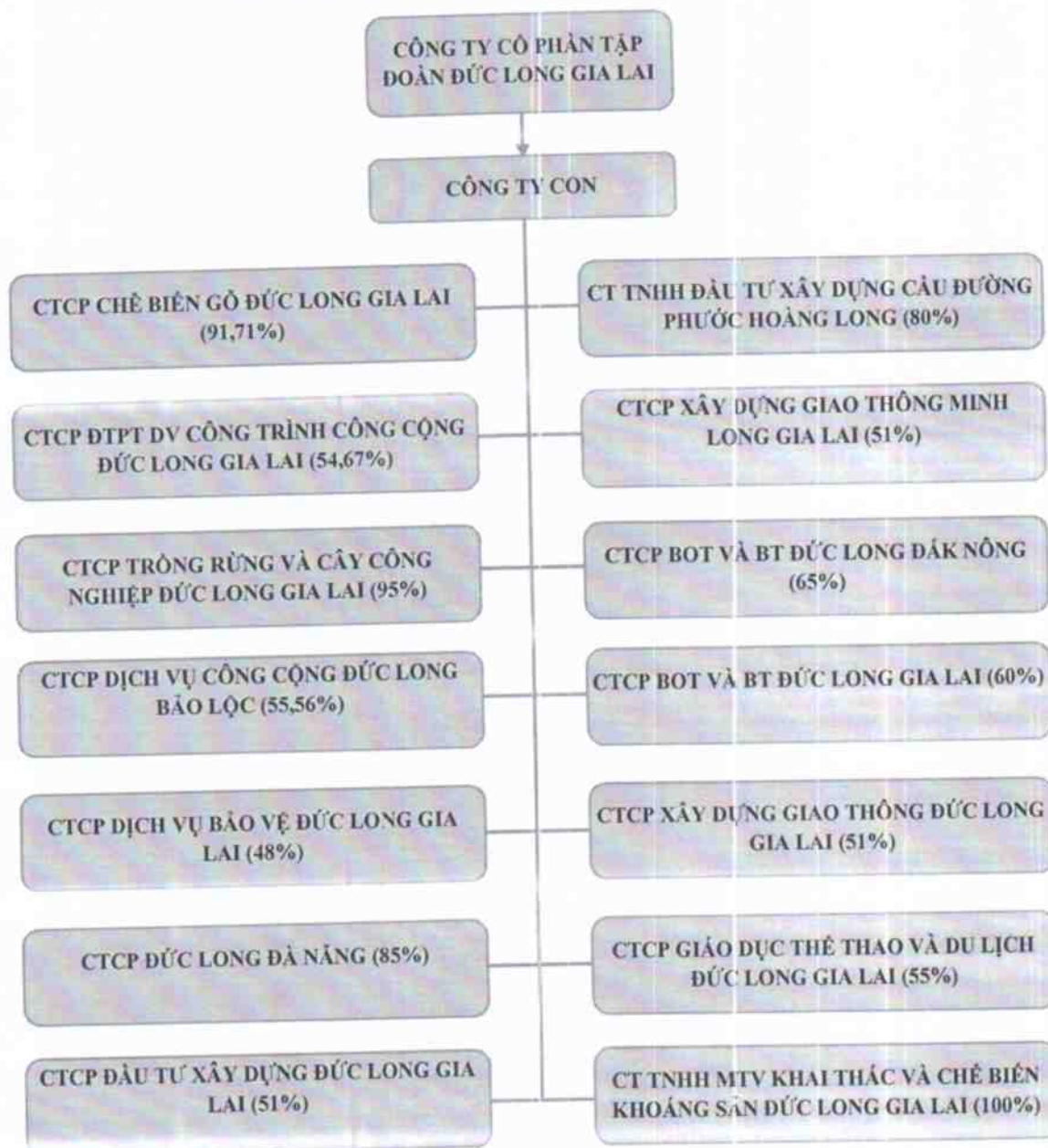
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Casting và hoàn thiện đá;
Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; chế biến khoáng sản.
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
Chi tiết: Gia công cao su mũ cốp
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Mua bán cao su mũ cốp; Mua bán phân bón. Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bê tông xi măng
- Sản xuất săm, lốp cao su; lắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp. Bán buôn đá, cát, sỏi, xi măng
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.
- Hoạt động quản lý quỹ;
Chi tiết: Quản lý quỹ chung.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại

Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm

2. Sơ đồ tổ chức

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hoạt động Công ty



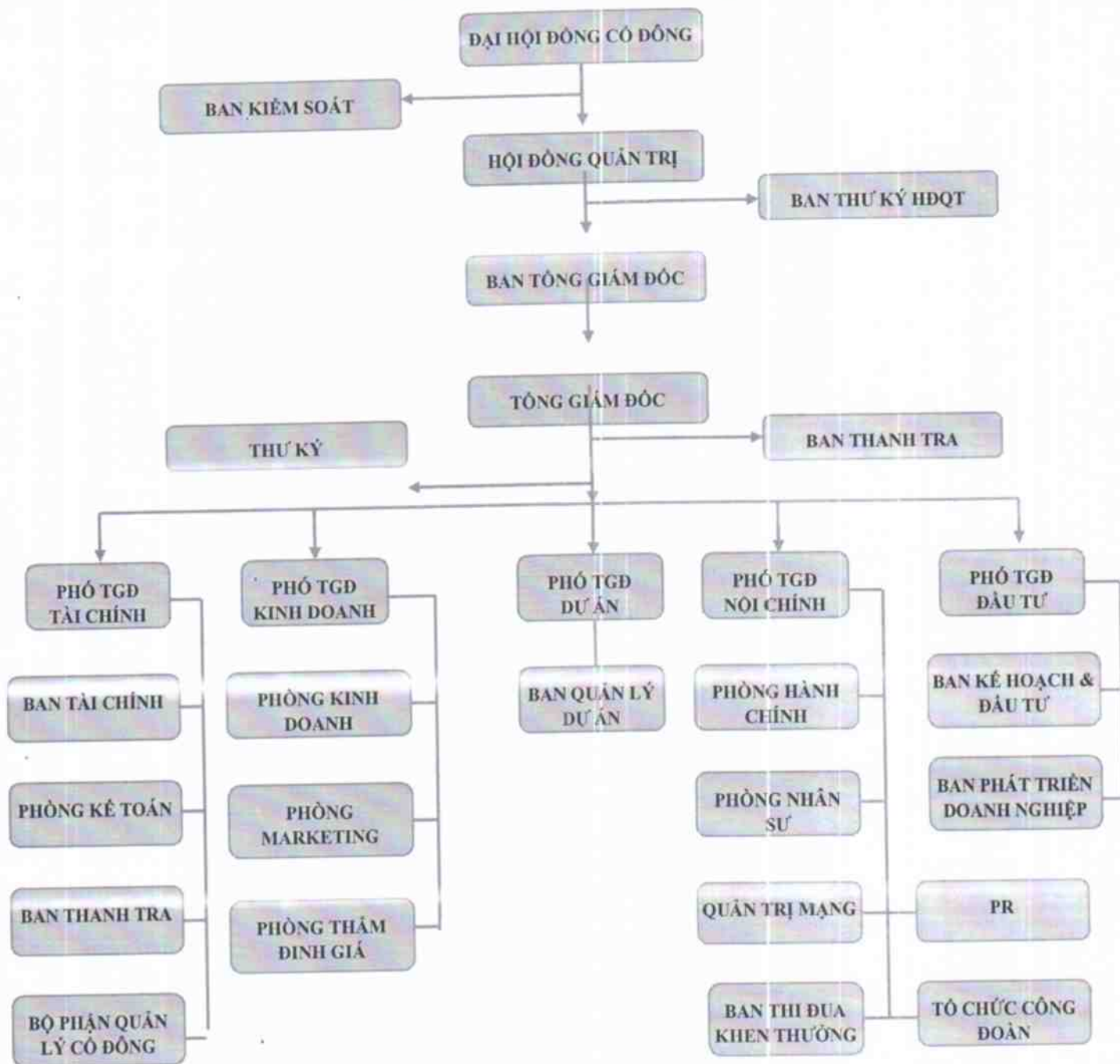
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Căn cứ những quy định của pháp luật cụ thể là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và

Điều lệ tổ chức, hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai có cơ cấu tổ chức quản lý như sau.

3.1. Sơ đồ cơ cấu quản lý Công ty

Sơ đồ 2: Cơ cấu quản lý Công ty



3.2. Diễn giải

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCD) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCD thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCD phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCD có quyền thảo luận và thông qua thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, các báo cáo của HĐQT và kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. ĐHĐCD còn có nhiệm vụ thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát và các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị do ĐHĐCD bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có nghĩa vụ quản trị Công ty giữa hai kỳ đại hội. HĐQT có tối đa 11 thành viên và tối thiểu là 05 thành viên. Số lượng thành viên HĐQT mỗi nhiệm kỳ do ĐHĐCD quyết định.

HQĐT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCD thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCD.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCD.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện tại, HĐQT của Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ là 05 năm:

Ông Bùi Pháp	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Anh Hùng	Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Ông Đỗ Thanh	Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đình Trạc	Chức vụ: Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chức vụ: Ủy viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát có các quyền sau:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ

Hiện tại, Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm, cụ thể:

Ông Lê Ngọc Minh	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát
Bà Phạm Thị Bích Loan	Chức vụ: Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Chức vụ: Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo chiến lược, kế hoạch đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 05 thành viên:

Ông Phạm Anh Hùng	Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Ông Đỗ Thanh	Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Xuân Viên	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Minh Việt	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Các phòng ban khác

➤ Ban nhân sự - hành chính

- + Tham mưu cho Tổng Giám đốc về chiến lược, chính sách nhân sự và kinh doanh của Công ty, giúp Tổng Giám đốc lập dự thảo chương trình hành động, đề ra các biện pháp kiểm soát, cải tiến tổ chức, xây dựng các tiêu chuẩn hoạt động;
- + Quản lý và giám sát các phòng ban, cung cấp các nguồn lực cần thiết cho các đơn vị. Xác định nhu cầu đào tạo và cung cấp các nguồn lực cần thiết để thực hiện đào tạo;
- + Định kỳ thông báo cho Tổng Giám đốc biết về tình hình hoạt động hành chính và nhân sự của Công ty. Chịu trách nhiệm chỉ đạo về công tác tổ chức hành chính như công tác quản trị hành chính, văn thư, lưu trữ bảo mật tài liệu cơ quan, xây dựng các chính sách tuyển dụng và tổ chức quản lý lao động, thi đua khen thưởng, nâng hạ lương;
- + Thiết lập hệ thống thông tin có hiệu quả, tạo lập các mối quan hệ mật thiết trong Công ty. Phối hợp với các phòng ban, công trường để đem lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty. Chuẩn bị nội dung và điều khiển cuộc họp các cấp Trường hàng tuần.

➤ Ban tài chính – kế toán

- + Tham mưu cho Tổng Giám đốc và HĐQT thực hiện chức năng quản lý tài chính, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu về tài chính – kế toán, tổ chức phổ biến và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thi hành kịp thời các quy định về tài chính – kế toán của Nhà nước. Quan hệ với ngân hàng, cơ quan thuế và các cơ quan hữu quan để thực hiện công tác tài chính – kế toán theo quy định của pháp luật;

- + Tham mưu cho HĐQT và chịu trách nhiệm về các hoạt động tìm nguồn vốn đầu tư cho Công ty cũng như đại diện vốn đầu tư đối với các khoản đầu tư ra ngoài Công ty;
- + Chỉ đạo quản lý tài sản, tiền vốn, hàng hoá, kinh phí và các quỹ, tổng kết thu – chi tài chính, báo cáo quyết toán, kiểm tra thường xuyên hoạt động kế toán của các bộ phận, nắm bắt tình hình kinh doanh của Công ty để từ đó lập kế hoạch tài chính và cung cấp thông tin cho các bộ phận trong và ngoài Công ty;
- + Chỉ đạo tổ chức thanh toán mua bán hàng hoá nhanh chóng và thu hồi công nợ, tăng nhanh vòng quay vốn, tránh tình trạng vốn bị chiếm dụng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, bảo mật các số liệu;
- + Chịu trách nhiệm chung về hiệu suất làm việc của Ban và liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về hệ thống kế toán – tài chính tại Công ty.

➤ **Ban kế hoạch và đầu tư**

- + Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Tham mưu, đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc, hỗ trợ các bộ phận khác về kinh doanh, tiếp thị, thị trường, lập kế hoạch, tiến hành các hoạt động xuất nhập khẩu; về việc lựa chọn khách hàng, thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- + Giao tiếp khách hàng, liên hệ với các cơ sở bên ngoài tiếp thị và khai thác thị trường, nghiên cứu thị trường, chọn khách hàng ký hợp đồng, quản bá và liên hệ với các đơn vị trong và ngoài nước về quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo nguồn hàng sản xuất ổn định cho Công ty;
- + Báo cáo cho Tổng Giám đốc về tiến độ sản xuất, tình hình sản xuất, kết quả việc thực hiện sản xuất kinh doanh cho Tổng Giám đốc. Báo cáo ngay những vấn đề không thực hiện được cho Tổng Giám đốc Công ty giải quyết;
- + Xây dựng kế hoạch hoạt động toàn Công ty. Chỉ đạo và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra tình hình hoạch định và thực hiện kế hoạch ở các đơn vị, phòng ban;
- + Lập dự án đầu tư, thực hiện các thủ tục đầu tư, quản lý hồ sơ dự án đầu tư;
- + Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác nghiên cứu chiến lược thực hiện dự án, nghiên cứu khả thi và triển khai thực hiện các dự án đầu tư;
- + Chịu trách nhiệm trước và chịu sự kiểm tra giám sát toàn diện của Ban Tổng Giám đốc về mọi hoạt động, quản lý về quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư cũng như kết thúc xây dựng dự án vào khai thác sử dụng;

- + Tổ chức quản lý và triển khai các dự án đầu tư theo đúng quy định của Công ty và phù hợp với pháp luật của Nhà nước;
- + Đề xuất tổ chức thành lập các công ty thành viên thực hiện các dự án, ngành nghề mới, ngành nghề chiến lược của Công ty.

➤ **Ban marketing và quan hệ công chúng (PR)**

- + Xây dựng và thực hiện các kế hoạch marketing và quản trị thương hiệu phù hợp chiến lược phát triển của Công ty, ở mức độ Tập đoàn và công ty con;
- + Xây dựng kế hoạch marketing hằng năm nhằm duy trì và quảng bá thương hiệu Công ty;
- + Chỉ đạo việc xây dựng các kế hoạch tương tự tại các công ty thành viên; tham gia xây dựng kế hoạch marketing tổng thể cho công ty;
- + Triển khai các hoạt động marketing theo kế hoạch và theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc;
- + Quản lý quan hệ công chúng bao gồm xây dựng và duy trì quan hệ với các cơ quan truyền thông, xử lý các trường hợp khủng hoảng thông tin (nếu có);
- + Tổ chức các hội thảo khách hàng, tổ chức và tham gia các hội thảo và triển lãm khác;
- + Tổ chức các sự kiện của Công ty;
- + Tổ chức các hoạt động quan hệ công chúng, quan hệ cổ đông/nhà đầu tư (IR).

➤ **Ban quản lý dự án**

- + Thực hiện và giám sát trực tiếp các công trình được giao và chịu trách nhiệm trực tiếp với Ban Giám đốc về mọi mặt của công trình;
- + Chuẩn bị kế hoạch thi công cho các công trình được giao, gồm cả việc quyết định cơ cấu tổ chức Ban chỉ huy công trường;
- + Quản lý, điều phối và kiểm tra các hoạt động hàng ngày tại công trường;
- + Theo dõi tiến độ của công trình và xác nhận khối lượng các hạng mục thi công theo định kỳ, báo cáo cho Ban lãnh đạo. Thực hiện các hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến khi cần thiết;
- + Thay mặt Ban lãnh đạo trao đổi thông tin với khách hàng, kể cả xử lý các ý kiến phản nàn hay tranh chấp của khách hàng.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tính đến ngày 28/3/2014

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Pháp	26.434.149	264.341.490.000	37,9
	Tổng cộng	26.434.149	264.341.490.000	37,9

Nguồn: DLG

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập và cổ phần nắm giữ

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Pháp	03 Trần Quang Khải, Pleiku, Gia Lai	230512386	26.434.149	37,90
2	Nguyễn Đình Trạc	P.Trà Bá, TP.Pleiku, Gia Lai	230013482	788.660	1,13
3	Đỗ Thanh	2/11 Nguyễn Đức Cảnh. P. Hoa Lư. TP. Pleiku. Gia Lai	230498199	17.500	0,02
4	Võ Châu Hoàng	Tổ 7. P. Trà Bá. TP. Pleiku, Gia Lai	211466660	8.104	0,01
5	Phạm Trung	Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định	211804802	242.000	0,35
6	Nguyễn Thị Hương	03 Trần Quang Khải, Pleiku, Gia Lai	230479715	307.790	0,44
7	Nguyễn Thanh Lâm	Ân phong, Hoài Ân, Bình Định	211829431	1.319.886	1,89
	Tổng cộng			29.118.125	41,74

Nguồn: DLG

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863, cấp lần đầu ngày 13 tháng 06 năm 2007, thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia

Lai cấp ngày 31 tháng 12 năm 2013. Đến thời điểm này các quy định hạn chế của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông đến ngày 28/3/2014

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (%)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ FDI	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	26.434.149	37,90%	1	0	1
	- Trong nước	26.434.149	37,90%	1	0	1
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu CP ưu đãi	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	43.310.749	62.10%	2.132	19	2.113
	- Trong nước	43.167.665	61.89%	2.112	16	2.096
	- Nước ngoài	143.084	0,21%	20	3	17
TỔNG CỘNG		69.744.898	100%	2.133	19	2.114
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		<i>69.601.814</i>	<i>99,79%</i>	<i>2.113</i>	<i>16</i>	<i>2.097</i>
<i>- Nước ngoài</i>		<i>143.084</i>	<i>0,21%</i>	<i>20</i>	<i>3</i>	<i>17</i>

Nguồn: DLG

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Các Công ty mẹ

Không có

5.2. Các Công ty con

Stt	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ)	Tỷ lệ góp vốn của công ty (%)	Ghi chú
Danh sách công ty con					
1	CTCP chế biến gỗ ĐLGL	Lô C4, Đường số 4, KCN Trà Đa, TP Pleiku, Gia Lai	35	91,71	
2	CTCP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng ĐLGL	43 Lý Nam Đế, TP Pleiku, Gia Lai	28,5	54,67	
3	CTCP Trồng rừng & Cây công nghiệp ĐLGL	43 Lý Nam Đế, TP Pleiku, Gia Lai	30	95	
4	CTCP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	Phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng	12	55,56	
5	CTCP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	73A Nguyễn Trọng Tuyển, P.15, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh	3,4	48	
6	CTCP Đức Long Đà Nẵng	47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	25	85	
7	CTCP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	43 Lý Nam Đế, TP Pleiku, Gia Lai	2	51	
8	CT TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long	Khối Phố 3, Thị trấn Phú Hoà, Huyện Chư Pưh, Gia Lai	30	80	
9	CTCP Xây dựng Giao	Thôn Hoà Bình, Thị trấn	30	51	

	thông Minh Long Gia Lai	Nhon Hoà, Huyện Chư Pưh, Gia Lai			
10	CTCP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	Tổ 9, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông	210	65	
11	CTCP BOT và BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Gia Lai	270	60	
12	CTCP Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai	Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Gia Lai	50	51	
13	CTCP Giáo dục Thể thao và Du lịch Đức Long Gia Lai	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, TP Pleiku, Gia Lai	65	55	Chưa hoạt động
14	CT TNHH MTV Khai thác và Chế biến Khoáng sản ĐLGL	Lô E6, KCN Trà Đa, TP Pleiku, Gia Lai	30	100	
Danh sách công ty góp vốn liên doanh liên kết					
1	CTCP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Số 53 Quang Trung, Tp Pleiku, Gia Lai	2.961	20	
2	CT TNHH Cung ứng Vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, TP Pleiku, Gia Lai	60	33,33	
3	CTCP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, TP Pleiku, Gia Lai	15	40	Chưa hoạt động

Nguồn: DLG

6. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Đức Long Gia Lai hiện tại được thực hiện chủ yếu trên địa bàn Tỉnh Gia Lai và một số tỉnh lân cận khu vực phía nam. Các hoạt động chính bao gồm:

- ✓ Sản xuất và chế biến gỗ;
- ✓ Kinh doanh dịch vụ bến xe;
- ✓ Khai thác và chế biến đá;

✓ Các dịch vụ kinh doanh khác.

Bảng 5: Kết quả hoạt động năm 2012, 2013 và quý 1/2014.

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Quý 1/2014
Doanh thu thuần	708.357.368.050	801.759.527.268	215.043.384.381
<i>Bán hàng hóa, bán điện, KD BĐS</i>	<i>87.533.730.488</i>	<i>254.557.427.408</i>	<i>72.037.557.695</i>
<i>Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ, cao su</i>	<i>328.036.416.490</i>	<i>235.947.814.864</i>	<i>81.486.590.913</i>
<i>Kinh doanh phân bón</i>	<i>180.665.714.284</i>	<i>158.456.190.477</i>	<i>49.848.120.000</i>
<i>Công trình xây dựng</i>	<i>56.988.444.600</i>	<i>61.471.696.401</i>	<i>0</i>
<i>Dịch vụ bến xe và xe buýt</i>	<i>21.334.002.569</i>	<i>21.398.935.132</i>	<i>6.221.167.867</i>
<i>Hoạt động khai thác đá</i>	<i>18.144.911.062</i>	<i>50.099.231.250</i>	<i>632.343.455</i>
<i>Dịch vụ khác cho thuê TS, khách sạn, ...</i>	<i>15.654.148.557</i>	<i>19.828.231.736</i>	<i>4.817.604.451</i>
Lợi nhuận trước thuế	5.233.415.577	7.863.074.522	20.899.744.299
Lợi nhuận sau thuế	223.967.956	1.676.007.728	17.816.428.279

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và quý 1/2014

6.1. Các nhóm sản phẩm chính

❖ Lĩnh vực sản xuất và chế biến gỗ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành sản xuất và chế biến các sản phẩm gỗ. Các sản phẩm đồ gỗ của Đức Long Gia Lai đã được thị trường trong và ngoài nước biết đến từ nhiều năm qua với sự phong phú về chủng loại và đa dạng về mẫu mã. Bên cạnh đó tiêu chí về chất lượng luôn được đảm bảo, vì vậy trong nhiều năm qua sản phẩm của Công ty đã được tổ chức uy tín trao tặng nhiều giải thưởng về chất lượng.

Giải thưởng “Sao vàng đất Việt” năm 2004, 2006 và 2008 dành cho sản phẩm tiêu biểu Việt Nam do Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam trao tặng.



Cúp vàng ISO do Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng cho doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn và quy định quốc tế vào hoạt động sản xuất kinh doanh.



Các sản phẩm gỗ bao gồm hai dòng sản phẩm chính là đồ gỗ nội thất và đồ gỗ ngoại thất sân vườn.

Đồ gỗ nội thất: chiếm tỷ trọng trên 50% doanh thu của mảng dịch vụ sản xuất và kinh doanh gỗ và được định hướng là dòng sản phẩm chiến lược mang lại doanh thu lớn và ổn định cho Đức Long Gia Lai trong những năm tiếp theo. Các sản phẩm của dòng đồ gỗ nội thất bao gồm nhóm hàng gia dụng như bàn, ghế, salon, giường, kệ tivi, ván lót sàn, tủ các loại... và nhóm hàng công trình như trần nhà, ván lót sàn, nội thất hội trường, quầy giao dịch ngân hàng...

Đồ gỗ nội thất sân vườn: là dòng sản phẩm truyền thống của Công ty trong nhiều năm qua bao gồm các sản phẩm như bàn ngoài trời, ghế ngoài trời, ghế nằm, xe đẩy rượu...



Sản xuất và chế biến đồ gỗ là lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Đức Long Gia Lai. Xác định là ngành cốt lõi nên Công ty đã huy động nhân lực và nội lực nhằm duy trì và tăng cường mở rộng đầu tư thêm, nổi bật là năm 2007 và 6 tháng đầu năm 2008, Đức Long Gia Lai đã tiến hành mua lại nhà máy sản xuất gỗ Xuân Phúc với tổng giá trị là 25

tỷ đồng. Đồng thời tiến hành nhập khẩu dây chuyền sản xuất ván Veneer và chế biến sản phẩm gỗ với trị giá: 259.486,45 USD và 29.955 EUR.

Hiện tại, quy mô sản xuất của Đức Long Gia Lai bao gồm ba nhà máy chế biến gỗ được đặt tại Pleiku, Gia Lai với tổng công suất thiết kế lên đến 10.800 m³/năm. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Nhà máy 1	Nhà máy 2	Nhà máy 3	Tổng cộng
Công suất thiết kế	4.680	4.680	4.680	14.040
Gỗ Tinh	1.521	1.521	1.521	4.563
Gỗ Lato	3.159	3.159	3.159	9.477
Công suất thực tế	3.600	3.600	3.600	10.080
Gỗ Tinh	1.170	1.170	1.170	3.510
Gỗ Lato	2.430	2.430	2.430	7.290

Nguồn: DLG

❖ Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ bến xe và bãi đỗ

Cũng được xác định là ngành kinh doanh cốt lõi trong ngắn hạn, Đức Long Gia Lai đã chú trọng tập trung vào xây dựng mô hình kinh doanh bến xe tư nhân đầu tiên trên toàn quốc. Đây là mô hình bến xe khép kín với cơ sở hạ tầng hiện đại và tiện nghi bao gồm bãi đỗ xe, khách sạn, trạm xăng dầu, dịch vụ bảo trì sửa chữa, dịch vụ ăn uống, nhà chờ, căn tin, phòng trọ và nhiều tiện ích khác. Trong năm 2006, mô hình Bến xe Đức Long Gia Lai đã được Sở Giao thông vận tải tỉnh Gia Lai đánh giá là mô hình bến xe đạt tiêu chuẩn loại I, đồng thời trong năm 2006 Bến xe Đức Long Gia Lai cũng được trao cúp vàng “Sản phẩm Việt uy tín chất lượng năm 2006” Hiện tại trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng chỉ có duy nhất bến xe của Công ty, ngoài ra với sự cam kết của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng không cấp phép hoạt động cho các bến xe khác trên địa bàn tỉnh trong vòng 25 năm tới nên mô hình hoạt động bến xe của Công ty chiếm thị phần đa số và hầu như không gặp phải sự cạnh tranh đáng kể nào.

❖ Lĩnh vực khai thác và chế biến đá

Đây là lĩnh vực mũi nhọn của Đức Long Gia Lai và được dự tính sẽ mang lại lợi nhuận đột biến cho Công ty trong thời gian tới. Hiện nay Công ty đang sở hữu một nhà máy chế biến đá và hai mỏ đá nguyên liệu là mỏ đá Granite Nghĩa Hưng và mỏ đá Bazan Xã Đun.

Nhà máy chế biến đá Granite với diện tích sử dụng là 3 ha được đặt tại khu công nghiệp Trà Đa, Pleiku, Gia Lai có tổng công suất thiết kế là 148.000m³/năm. Các sản phẩm của nhà máy bao gồm đá Granite Slab và đá Granite khối.

Mỏ đá Granite Nghĩa Hưng có trữ lượng 1.000.000m³ với thời gian khai thác lên đến 200 năm. Khối lượng khai thác hàng năm là 5.000m³, sản phẩm đá khai thác bao gồm các loại đá oplat, đá dăm, đá hộc theo tiêu chuẩn vật liệu xây dựng thông thường.

Mỏ đá Bazan Xã Dun có diện tích trên 10 ha và trữ lượng gần 2 triệu m³. Thời gian khai thác của mỏ là 30 năm, các sản phẩm đá khai thác bao gồm đá oplat, đá dăm, đá hộc theo tiêu chuẩn vật liệu xây dựng thông thường.

❖ Các lĩnh vực kinh doanh khác

Các lĩnh vực kinh doanh khác của Đức Long Gia Lai bao gồm dịch vụ thương mại (kinh doanh phân bón, xăng dầu, vật tư và thiết bị....), dịch vụ bảo vệ, đầu tư bất động sản, xây dựng và đầu tư các dự án thủy điện, trồng và khai thác cây cao su, khai thác và chế biến khoáng sản. Ngoài trừ mảng dịch vụ thương mại đã được triển khai từ trước và mang lại doanh thu ổn định, các mảng dịch vụ kinh doanh còn lại hầu hết nằm trong chiến lược phát triển dài hạn của Đức Long Gia Lai và đang trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng.

6.2. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm 2012, 2013 và quý 1/2014.

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2012, 2013 và quý 1/2014

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Quý 1/2014	
		Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Bán hàng hóa, bán điện, KD BĐS	87.534	12,36	254.557	31,75	72.037	33,50
2	Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ, cao su	328.036	46,31	235.948	29,43	81.487	37,90
3	Kinh doanh phân bón	180.666	25,50	158.456	19,76	49.848	23,18
4	Công trình xây dựng	56.988	8,05	61.472	7,67	0	0
5	Dịch vụ bến xe & xe buýt	21.334	3,01	21.399	2,67	6.221	2,89
6	Hoạt động khai thác đá	18.145	2,56	50.099	6,25	632	0,29

7	Dịch vụ khác cho thuê TS, khách sạn,...	15.654	2,21	19.828	2,47	4.818	2,24
	Tổng cộng	708.357	100	801.759	100	215.043	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và quý 1/2014

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2012, 2013 và quý 1/2014

Stt	Chi tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Quý 1/2014	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Bán hàng hóa, bán điện, KD BĐS	8.430	9,54	29.004	33,95	2.769	11,35
2	Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ, cao su	39.355	44,53	26.436	30,95	12.926	53,00
3	Kinh doanh phân bón	(509)	(0,58)	5.411	6,33	4.631	18,99
4	Công trình xây dựng	24.023	27,18	11.259	13,18	0	0
5	Dịch vụ bến xe và xe buýt	4.326	4,90	9.188	10,76	1.561	6,40
6	Hoạt động khai thác đá	7.111	8,05	458	0,54	270	1,11
7	Dịch vụ khác cho thuê TS, khách sạn,...	5.639	6,38	3.670	4,30	2.230	9,15
	Tổng cộng	88.375	100	85.426	100	24.387	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và quý 1/2014

Cũng chịu ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế khó khăn chung của đất nước, để duy trì được doanh số bán hàng, giảm thiểu rủi ro, Công ty đã chủ động duy trì và củng cố các ngành nghề kinh doanh cốt lõi của mình như sản xuất chế biến gỗ, khai thác đá, bến xe bãi đỗ. Trong năm 2012 và 2013, tỷ trọng doanh thu của ngành kinh doanh gỗ và dịch vụ thương mại tiếp tục những chiếm tỷ trọng lớn. Trong năm 2013, mặc dù doanh thu ngành kinh doanh gỗ giảm mạnh so với năm 2012, chỉ còn chiếm tỷ trọng trong tổng doanh thu thuần của Công ty là 29,43% so với 46,31% trong năm 2012, nhưng lại đóng góp 30,95% trong tổng lợi nhuận gộp. Tỷ trọng doanh thu từ ngành thương mại tăng nhanh cả về giá trị lẫn tỷ trọng. Năm 2013, doanh thu thương mại đạt hơn 254 tỷ đồng, đóng góp 33,95% trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty. Trong năm 2013, doanh thu xây dựng tăng nhẹ so với

năm 2012, đạt 61 tỷ đồng với lợi nhuận gộp đóng góp là 13,18% trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty.

6.3. Nguyên vật liệu

6.3.1. Nguồn nguyên vật liệu

❖ Nguyên liệu gỗ

Hiện nay tỉnh Gia Lai có chỉ tiêu khai thác gỗ hàng năm vào khoảng từ 75 ngàn đến 100 ngàn m³. Một số lượng gỗ khá lớn trong chỉ tiêu này đã được các doanh nghiệp ngoài tỉnh tiêu thụ cho chế biến. Bên cạnh đó, Công ty cũng có thể tham gia đấu thầu mua nguyên vật liệu gỗ cho các tỉnh như Kom Tum, Đắk Lắk,... Mặt khác, các doanh nghiệp của tỉnh đã được Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ thương mại, Cục Hải quan và Cục kiểm lâm cho phép chủ trương nhập khẩu gỗ của các nước trong khu vực lân cận như Campuchia, Lào, Malaysia,... với khối lượng hàng năm rất lớn và các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ hiện nay chủ yếu bán lại gỗ tròn kể cả cho xuất khẩu. Do vậy Công ty không gặp phải sự khó khăn về nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào trong khoảng thời gian từ 10 đến 20 năm. Đặc biệt Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất ván ghép là công nghệ có khả năng tận dụng nguồn nguyên liệu gỗ cành nhon mà hiện nay chưa được tận dụng triệt để.

Một số nhà cung cấp chính của DLG

Stt	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
1	Gỗ	Cty TNHH MTV Việt Gia Phát: 43 Lý Nam Đế - Pleiku- Gia Lai.
2	Gỗ	DNTN Như Ý: Huyện Konchoro, tỉnh Gia Lai
3	Gỗ	DNTN Tuấn Duy: TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
4	Gỗ	Cty TNHH MTV An Phước: TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
5	Gỗ	Công ty TNHH Trí Tín: TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
6	Gỗ	Công ty TNHH Trung Đông: Thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum
7	Gỗ	Công ty TNHH cung ứng nguyên liệu, vật tư và thiết bị Tây Nguyên: TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
8	Gỗ	Công ty TNHH Tân Hoa: Thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum
9	Gỗ	CT CP Tổng hợp Bắc Hà: Hoàng Cầu, Ô chợ Dừa, Đống Đa, HN
10	Gỗ	Công ty CP Phú Tài: TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Nguồn: DLG

❖ Nguyên liệu đá

Đây là ngành khai thác tài nguyên, do đó việc sở hữu mỏ đá nguyên liệu chính là nhân tố thành công trong kế hoạch sản xuất kinh doanh ngành đá. Hiện nay Công ty đang sở hữu 2 mỏ đá nguyên liệu là mỏ đá Granite Nghĩa Hưng và mỏ đá Bazan xã Dun, và trong thời gian tới Công ty sẽ tiến hành khảo sát và xin cấp phép khai thác thêm một số mỏ đá nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai và khu vực Tây Nguyên.

❖ Nguyên liệu kinh doanh bến xe

Hoạt động kinh doanh của Bến xe Đức Long Gia Lai chủ yếu là cung cấp dịch vụ bến bãi, dịch vụ ra vào bến cho các tuyến xe liên tỉnh, liên huyện tại địa bàn tỉnh Gia Lai. Đây có thể coi là hoạt động dịch vụ thuần túy nên nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất kinh doanh là các doanh nghiệp vận tải sử dụng dịch vụ của Công ty. Các dịch vụ của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ bãi đỗ
- Dịch vụ ra vào bến
- Dịch vụ xe buýt
- Dịch vụ nhà nghỉ
- Dịch vụ ăn uống
- Dịch vụ cho thuê kios
- Dịch vụ cho thuê quầy bán vé...

6.3.2. Sự ổn định của nguồn cung ứng nguyên vật liệu**❖ Nguyên liệu gỗ**

Cây gỗ cao su thanh lý từ Tổng Công ty Cao su Việt Nam, Tổng Công ty 15 tại tỉnh Gia Lai bình quân khoảng 2.520 ha/năm. Với lượng ha cao su thanh lý thì Công ty có thể sản xuất sản lượng từ 250 đến 350 container mỗi năm.

Bên cạnh nguồn gỗ tại địa phương, hàng năm Công ty nhập khẩu nguyên liệu gỗ từ các nước Bắc Mỹ như Mỹ, Canada và Nam Phi.

❖ Nguyên liệu kinh doanh bến xe

Do nhu cầu phát triển kinh tế xã hội ngày càng cao nên ngành vận tải cũng phát triển cùng chiều với nền kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển mạnh thì nhu cầu đi lại và giao thương giữa các địa phương là rất lớn, điều này giúp cho nguồn cung cấp đầu vào của Công ty ổn định và không ngừng phát triển.

❖ **Các biện pháp hạn chế rủi ro về biến động giá thành nguyên vật liệu**

Để hạn chế rủi ro về giá thành nguyên vật liệu, Công ty có kế hoạch và biện pháp chủ động về nguồn nguyên vật liệu. Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc với khoảng 20 nhà cung cấp trong và ngoài nước. Đây là những đối tác kinh doanh dành ưu tiên và cam kết nguồn đầu vào cho Công ty trong mọi trường hợp. Bên cạnh đó, Công ty đã có kế hoạch tích trữ nguyên liệu chính cho sản xuất kinh doanh.

❖ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Sự biến động giá cả nguyên vật liệu theo chiều hướng gia tăng trong thời gian gần đây đã đẩy chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tăng cao. Chi phí sản xuất chịu tác động trực tiếp từ sự biến động giá cả vật liệu đầu vào như gỗ, các loại phụ kiện... Khi giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí lên cao đối với những hợp đồng dài hạn đã ký. Điều này có thể gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

6.4. Chi phí sản xuất

Bảng 8: Tỷ trọng các chi phí của Công ty năm 2012, 2013 và quý 1/2014

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012			Năm 2013			Quý 1/2014		
		Giá trị (Triệu đồng)	%/ tổng chi phí	%/ doanh thu thuần	Giá trị (Triệu đồng)	%/ tổng chi phí	%/ doanh thu thuần	Giá trị (Triệu đồng)	%/ tổng chi phí	%/ doanh thu thuần
1	Giá vốn hàng bán	619.982	80,7	87,5	716.334	82,7	89,3	190.657	89,8	88,7
2	Chi phí tài chính	119.926	15,6	16,9	119.504	13,8	14,9	14.817	7,0	6,9
3	Chi phí bán hàng	3.582	0,5	0,5	3.219	0,4	0,4	760	0,4	0,4
4	Chi phí quản lý	25.097	3,3	3,5	27.223	3,1	3,4	5.979	2,8	2,8
5	Tổng cộng chi phí	768.587	100	108,5	866.280	100	108	212.213	100	98,8

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và quý 1/2014

Tổng chi phí của Công ty chiếm tỷ trọng khá lớn so với doanh thu thuần. Năm 2011, tỷ lệ này là 99,6%, trong đó giá vốn hàng bán chiếm 88,4% tổng chi phí và 88,1% doanh thu thuần, chi phí tài chính chiếm 7,8% tổng chi phí, chi phí quản lý chiếm tỷ lệ 3,4% tổng chi phí.

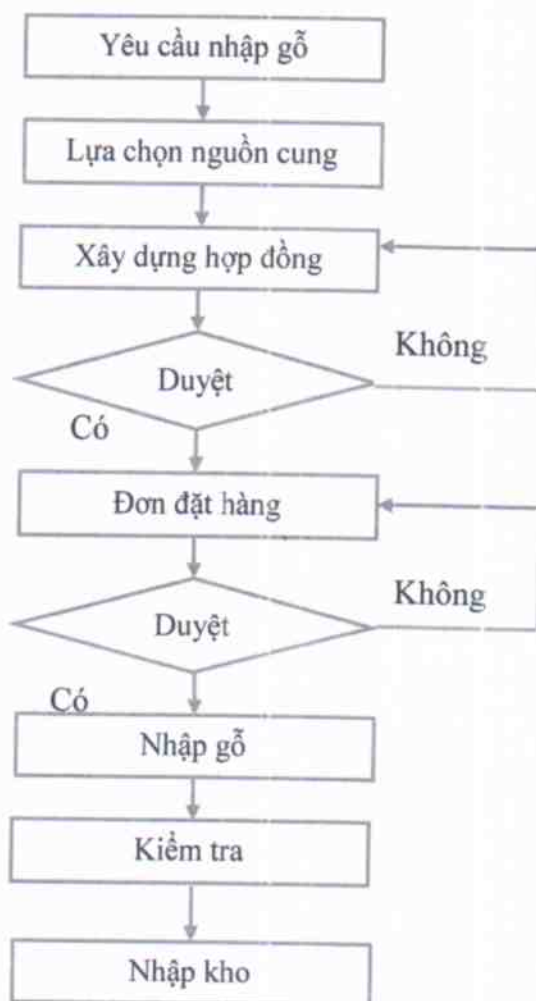
Sang năm 2012, nền kinh tế đặc biệt khó khăn, giá cả đầu vào tăng mạnh, đặc biệt là chi phí lãi vay cho nên dù Công ty đã có nhiều biện pháp để tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên doanh thu thuần đã sụt giảm, giảm trên 10%. Kết quả tỷ trọng tổng chi phí vượt qua cả doanh thu thuần, chiếm 108,5% doanh thu thuần, trong đó chi phí tài chính tăng cao chiếm 15,6% tổng chi phí.

Tiếp tục chịu sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế, năm 2013, tổng chi phí của Công ty chiếm 108% doanh thu thuần, trong đó giá vốn hàng bán trên tổng chi phí chiếm 82,7%, chi phí tài chính chiếm 13,8% tổng chi phí.

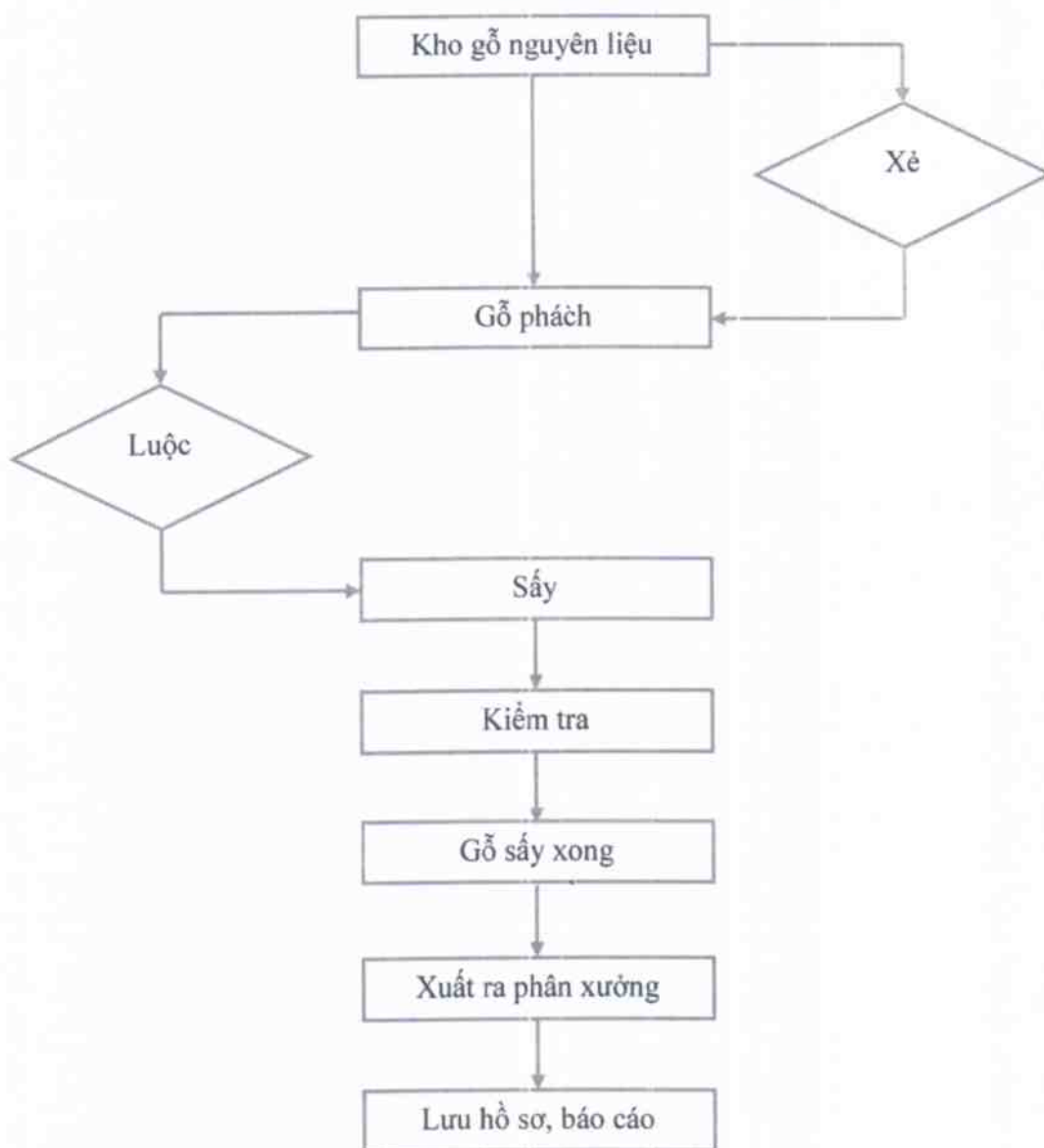
6.5. Trình độ công nghệ

❖ Quy trình sản xuất đồ gỗ

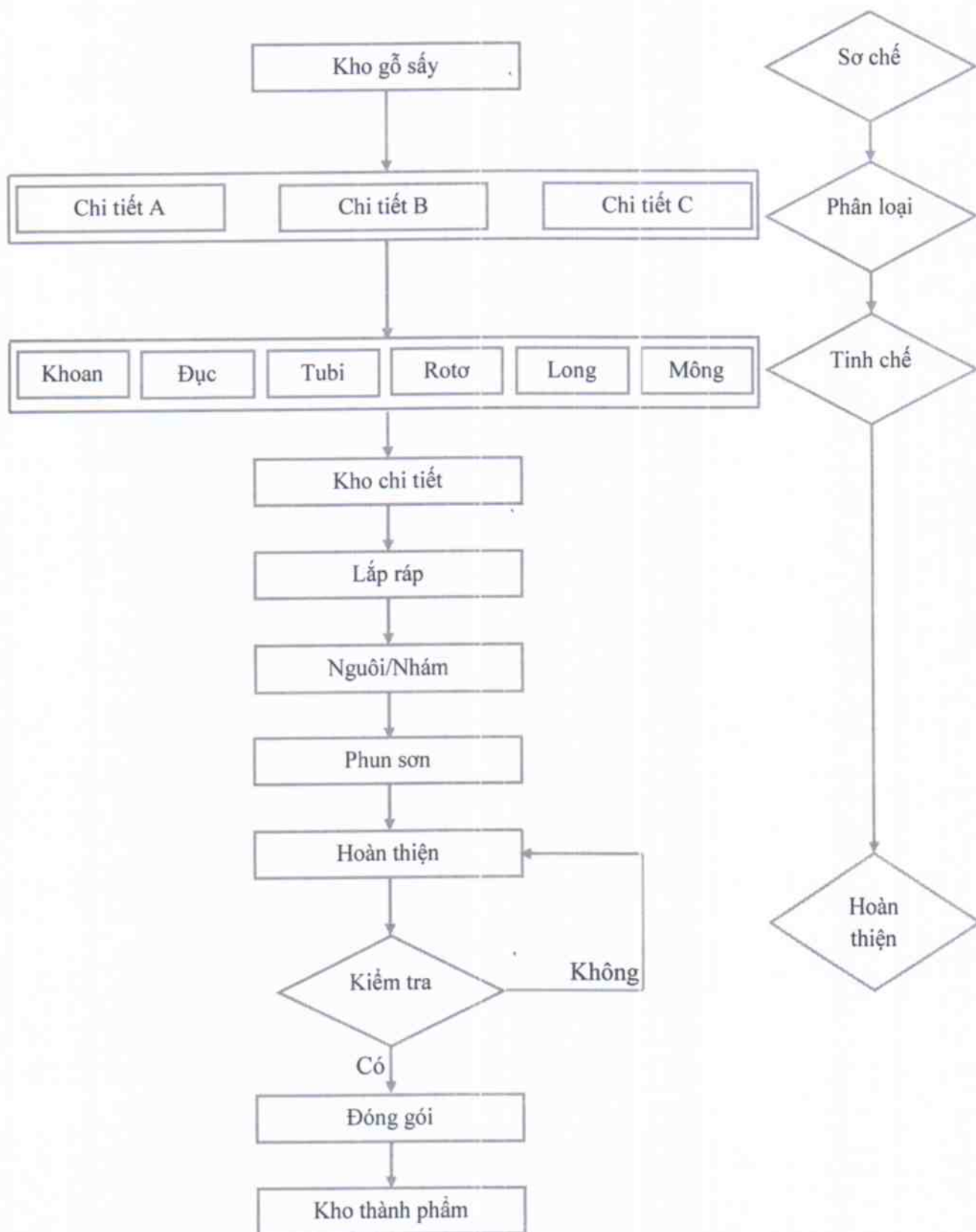
Sơ đồ 3: Quy trình mua nguyên liệu gỗ



Sơ đồ 4: Quy trình cung ứng vật liệu gỗ cho sản xuất



Sơ đồ 5: Quy trình sản xuất



Một số máy móc thiết bị sản xuất và chế biến gỗ của Công ty

TT	Loại máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (cái)	Hiện trạng kỹ thuật
1	Máy mài dao xén MFB-2535A	Đài Loan	2008	18	Hoạt động tốt
2	Khoan lỗ 6 mũi	Đài Loan	2008	41	Hoạt động tốt
3	Hệ thống thiết bị lò hơi	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
4	Máy CBG taiwan 1.030.072.000 g	Đài Loan	2008	15	Hoạt động tốt
5	Máy Router	Đài Loan	2008	33	Hoạt động tốt
6	Máy biến áp hạ áp 180 KV-400V/2	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
7	Máy bơm	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
8	Máy bơm hơi	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
9	Máy bào	Đài Loan	2008	16	Hoạt động tốt
10	Máy bào, cuộn, cưa	Đài Loan	2008	18	Hoạt động tốt
11	Máy chà nhám	Đài Loan	2008	14	Hoạt động tốt
12	Máy cưa cong	Nhật Bản	2008	19	Hoạt động tốt
13	Máy cưa, máy bào	Nhật Bản	2008	29	Hoạt động tốt
14	Máy cắt	Nhật Bản	2008	6	Hoạt động tốt
15	Máy ghép cạnh	Nhật Bản	2008	4	Hoạt động tốt
16	Máy mài dao	Nhật Bản	2008	3	Hoạt động tốt
17	Máy nén khí	Nhật Bản	2008	7	Hoạt động tốt
18	Máy song dao	Đài Loan	2008	6	Hoạt động tốt

19	Máy thăm	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
20	Máy đóng kiện	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
21	Máy đục mộng	Đài Loan	2008	18	Hoạt động tốt
22	Dây chuyền sơn tĩnh điện	Nhật Bản	2004	3	Hoạt động tốt
23	Dây chuyền sơn ván sàn	Nhật Bản	2004	3	Hoạt động tốt
24	Máy phay kim loại	Đài Loan	2008	2	Hoạt động tốt
25	Máy CD	Đài Loan	2008	2	Hoạt động tốt
26	Xe lu nhỏ cầm tay	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
27	Máy tiện	Nhật Bản	2008	3	Hoạt động tốt
28	Băng tải máy chà nhám	Nhật Bản	2008	3	Hoạt động tốt
29	Máy ghép mí Verneer	Đài Loan	2008	1	Hoạt động tốt
30	Máy ghép Verneer	Đài Loan	2008	1	Hoạt động tốt
31	Máy cấp phối	Đài Loan	2008	5	Hoạt động tốt
32	Máy dán cạnh	Đài Loan	2008	4	Hoạt động tốt
33	Máy ép nguội	Đài Loan	2008	4	Hoạt động tốt
34	Máy ép nóng	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
35	Máy xén cạnh	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
36	Máy len keo	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
37	Tu bi	Đài Loan	2008	13	Hoạt động tốt

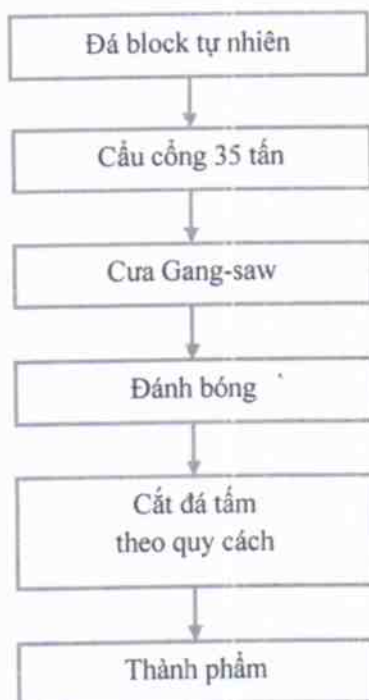
Nguồn:DLG

❖ Quy trình sản xuất và chế biến đá Granite của Công ty

Để phục vụ cho hoạt động khai thác, Công ty đã chú trọng đầu tư những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất các

điểm mỏ thuộc chủ quyền, cũng như đáp ứng những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Các dây chuyền nghiền, đập, phân loại và tuyển khoáng của Công ty chủ yếu được nhập từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,.. chỉ có một số thiết bị máy móc sử dụng công nghệ trong nước.

Sơ đồ 6: Quy trình sản xuất đá



Đá block tự nhiên sau khi được khai thác sẽ được vận chuyển bằng cầu công 35 tấn, đưa vào máy Gang-saw hoặc máy cưa chùm để xẻ tùy theo quy cách nguyên liệu. Sau khi xẻ, đá sẽ ra thành từng tấm, có hình thù như một mặt phẳng tứ giác, độ dày tùy loại theo đơn đặt hàng. Đá xẻ xong thành từng tấm sẽ được đưa vào đánh bóng. Sau khi đánh bóng, đá sẽ có bề mặt bằng phẳng, sáng bóng theo đúng chuẩn màu sắc của đá. Sau khi thực hiện xong đánh bóng, sản phẩm được xem như đã hoàn thành. Tuy nhiên, tùy theo đặt hàng, đá sẽ được cắt ra thành từng tấm nhỏ với quy cách cụ thể theo từng loại. Sau khi cắt quy cách xong, sản phẩm được xem như hoàn thành.

Một số máy móc thiết bị sản xuất và chế biến đá của Công ty

TT	Loại máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (cái)	Hiện trạng kỹ thuật
1	Đầu răng cưa đá	Nhật Bản	2008	5	Hoạt động tốt

2	Máy cửa cầu	Trung Quốc	2008	1	Hoạt động tốt
3	Máy cửa trụ	Trung Quốc	2008	8	Hoạt động tốt
4	Máy đánh bóng bằng tay có trụ thép	Trung Quốc	2008	4	Hoạt động tốt
5	Máy cắt quy cách	Trung Quốc	2007	2	Hoạt động tốt
6	Máy hàn Segmente	Trung Quốc	2007	1	Hoạt động tốt
7	Dây chuyền chế biến đá ốp lát Granit	Italia	2008	1	Hoạt động tốt
8	Cổng trục dầm đôi hai conxong tải trọng nâng 30 tấn	Nhật Bản	2005	1	Hoạt động tốt
9	Cầu trục dầm đơn tải trọng nâng 3 tấn	Nhật Bản	2005	2	Hoạt động tốt
10	Máy cửa đĩa (01 lưỡi)	Trung Quốc	2008	2	Hoạt động tốt
11	Máy đánh bóng (17 đầu mài)	Nhật Bản	2007	1	Hoạt động tốt
12	Lưỡi cửa	Nhật Bản	2007	9	Hoạt động tốt
13	Máy khoan bàn lớn	Nhật Bản	2008	1	Hoạt động tốt
14	Máy khoan bàn nhỏ	Nhật Bản	2008	1	Hoạt động tốt
15	Máy hàn điện	Nhật Bản	2008	1	Hoạt động tốt
16	Lưỡi cửa máy găng xô	Nhật Bản	2008	400	Hoạt động tốt
17	Lưỡi cắt quy cách	Nhật Bản	2008	3	Hoạt động tốt
18	Máy căng thủy lực dùng cho lưỡi cửa	Nhật Bản	2008	1	Hoạt động tốt

Nguồn:DLG

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, hệ thống quản lý CoC-FSC và ứng dụng công nghệ quản trị “Lean production”, Six Sigma (define, measure, analyze, improve, control) và ERP (enterprise resource planning), Đức Long Gia Lai cam kết tất cả khách hàng sẽ được cung cấp các sản phẩm đúng theo yêu cầu và cam kết ban đầu, đáp ứng tính năng sử dụng, kiểu dáng, độ an toàn cũng như các chế độ

đối với từng sản phẩm. Đồng thời, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu thay đổi của khách hàng về mẫu mã, số lượng, thời gian và phương thức giao nhận.

Công ty tiếp tục đầu tư thêm trang thiết bị, máy chuyên dùng và công nghệ mới. Nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng; quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho đội ngũ nhân lực; xây dựng hệ thống quản lý chất lượng nghiêm ngặt.

6.7. *Hoạt động marketing*

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Với phương châm “Mỗi một phòng ban, mỗi một cán bộ đều phải có ý thức giữ gìn, nâng cao vị thế và thương hiệu sản phẩm, hình ảnh của Công ty”, trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay thương hiệu “Đức Long” đã được nhiều người biết đến trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói riêng và cả nước nói chung thông qua một số sản phẩm và dịch vụ như đồ gỗ Đức Long, đồ đá Đức Long, Bến xe Đức Long, xe buýt Đức Long,...

6.8. *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

Logo của Công ty: được cấu thành bởi hình Elip bên ngoài, một gạch chéo bên trong màu vàng kim loại.

Slogan của Công ty: “Đi là Đến” nêu cao tinh thần làm việc của Đức Long Gia Lai, làm việc là phải đến cùng, công việc phải kết thúc thành công.



DUC LONG GROUP

6.9. *Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết*

Stt	Sản phẩm dịch vụ ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)	Tên đối tác trong hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện
1	Indoor furniture	2.000.000.000	Bộ tư lệnh – Quân đoàn 3	27/12/2012	Mùa hàng năm 2012 – 2013

2	Indoor furniture	800.000.000	Tổng công ty 15 (Bình đoàn 15)	18/10/2013	Mùa hàng năm 2013
3	Indoor furniture	1.500.000.000	Công ty cà phê 15 – Quân khu 5	20/11/2012	Mùa hàng năm 2012 – 2013
4	Indoor furniture	3.625.000.000	Bộ tư lệnh quân khu 5	20/12/2012	Mùa hàng năm 2012 – 2013
5	Indoor furniture	4.000.000.000	Công ty Sóng Hồng	25/12/2012	Mùa hàng năm 2012 – 2013
6	Indoor furniture	3.000.000.000	DNTN Du lịch Lữ hành & Đầu tư xây dựng NHHTC (Đồng Đa-Hà Nội)	15/12/2012	Mùa hàng năm 2012 – 2013
7	Indoor furniture	4.000.000.000	Cửa hàng kinh doanh đồ gỗ Đức Long Gia Lai	20/12/2012	Mùa hàng năm 2012 -2013
8	Thương mại phân bón các loại	250.000.000.000	CTCP Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	20/10/2013	Mùa hàng năm 2013-2014
9	Thương mại phân bón các loại	150.000.000.000	CTCP TM XNK Thăng Long	10/01/2014	Mùa hàng năm 2014
10	Thi công công trình giao thông BOT	135.234.719.000	CTCP Đức Thành Gia Lai – CN Bình Phước	20/09/2012	2010 – 2014
11	Thi công công trình giao thông BOT	170.000.000.000	CTCP Đức Phú	17/10/2012	2012 – 2014

Nguồn: DLG

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012, 2013 và lũy kế đến quý 1/2014

Bảng 9: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm	Lũy kế đến quý 1/2014
1	Tổng giá trị tài sản	2.196.792.153.898	2.420.313.140.855	10,17	2.639.603.069.157
2	Doanh thu thuần	708.357.368.050	801.759.527.268	13,19	215.043.384.381
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.127.952.875	1.087.381.516	(3,60)	14.841.816.541
4	Lợi nhuận khác	4.784.053.819	7.468.392.397	56,11	6.246.071.563
5	Lợi nhuận trước thuế	5.233.415.577	7.863.074.522	50,25	20.899.744.299
6	Lợi nhuận sau thuế	223.967.956	1.676.007.728	648,32	17.816.428.279
7	Tỷ lệ trả cổ tức	-	6%		

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2012, 2013 và quý 1/2014

Do những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài dẫn theo các hệ lụy như sức mua hàng xuất khẩu giảm sút, khách hàng huỷ đơn đặt hàng, khách hàng chậm thanh toán, thị phần trong nước sụt giảm, chi phí tăng cao nên lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2012 chỉ gần 224 triệu đồng giảm mạnh so với năm 2011. Sang năm 2013 lợi nhuận sau thuế chỉ đạt hơn 1,6 tỷ đồng.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ **Thuận lợi**

- Việc hội nhập sâu rộng của Việt Nam đã mở ra cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu cho các ngành nghề nói chung và ngành chế biến và khai thác gỗ nói riêng.
- Chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ kịp thời và đúng định hướng đã hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong giai đoạn kinh tế khó khăn vừa qua. Đồng thời, Chính phủ ngày càng bổ sung, hoàn thiện những chính sách, hướng dẫn

khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh hợp tác, mở rộng đầu tư sang lĩnh vực khác.

- Đức Long Gia Lai đã có bề dày kinh nghiệm về ngành kinh doanh truyền thống gần 20 năm. Là doanh nghiệp hàng đầu tại địa bàn tỉnh Gia Lai, doanh nghiệp đã gây dựng và khẳng định được uy tín trên thương trường về chất lượng sản phẩm/dịch vụ như đồ nội thất, sản phẩm đá, dịch vụ bến xe... và uy tín đó tiếp tục được duy trì và phát huy ở những ngành nghề kinh doanh mới.
- Với đội ngũ CBCNV tận tâm, tay nghề cao, được điều hành bởi những cán bộ, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, Công ty có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.

❖ **Khó khăn**

- Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đang giai đoạn hết sức khó khăn và còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Dẫn đến biến động tỷ giá và lãi suất, giá nguyên vật liệu tăng cao đã ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách đóng cửa rừng của Chính phủ, nguồn nguyên liệu đầu vào cho ngành chế biến gỗ của Đức Long Gia Lai đã ít nhiều bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó vị trí tọa lạc của Nhà máy sản xuất gỗ của Công ty tại Gia Lai rất xa cảng và thị trường phụ liệu phụ kiện cho ngành sản xuất nói trên. Mất dần lợi thế về nguồn nguyên vật liệu đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của ngành sản xuất truyền thống của Công ty trong thời gian gần đây.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Đức Long Gia Lai đã xác lập được một vị trí đáng kể trong ngành sản xuất và chế biến đồ gỗ. Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp có sức cạnh tranh và hoạt động khá hiệu quả trong ngành gỗ và kinh doanh bến xe tại Gia Lai.

❖ **Về uy tín**

Xét riêng tại địa bàn Gia Lai, có thể nói Đức Long Gia Lai là một trong những Công ty có uy tín hàng đầu. Thương hiệu Đức Long Gia Lai được biết đến rộng rãi từ một số sản phẩm và dịch vụ như Đồ gỗ Đức Long, Bến xe Đức Long, Khách sạn Đức Long, Xe buýt

Đức Long... được người tiêu dùng (cá nhân, doanh nghiệp) tin nhiệm thông qua các đơn hàng ngày càng tăng, khẳng định uy tín, thương hiệu và sản phẩm ngày càng tăng.

❖ Về nhân lực

Tập đoàn có đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, đoàn kết, năng động, tích cực đổi mới, nhạy bén trong nhận định tình hình và có tinh thần dám nghĩ, dám làm và mạnh dạn quyết định những bước đi có tính chất đột phá nhằm mục tiêu chiến lược của Công ty.

Đội ngũ nhân sự trẻ, nhiệt tình, có ý thức trách nhiệm cao với công việc; luôn học hỏi cái mới, nâng cao trình độ chuyên môn để tự hoàn thiện và hoàn thành nhiệm vụ với hiệu quả cao nhất.

❖ Về công nghệ sản xuất và thi công

Đức Long Gia Lai luôn đặt yếu tố chất lượng sản phẩm lên hàng đầu. Chính vì vậy ngay từ khi Công ty mới thành lập, Ban lãnh đạo luôn duy trì chính sách chất lượng thống nhất xuyên suốt quá trình công việc. Bên cạnh việc đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại đủ năng lực thi công các công trình phức tạp, Đức Long Gia Lai luôn chú trọng vào việc cải thiện quy trình làm việc.

Hiện nay, Đức Long Gia Lai đang triển khai xây dựng hệ thống quản lý chất lượng LEAN. Công ty và các đơn vị thành viên của Đức Long Gia Lai đều tham gia vào việc cải thiện quy trình nghiệp vụ của Công ty

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

❖ Ngành chế biến, sản xuất gỗ

Theo Hiệp hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ TPHCM nhận định, ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam đang có nhiều cơ hội lớn. Hiện Việt Nam đang đứng thứ 6 trên thế giới về xuất khẩu, đứng thứ 2 ở Châu Á và đứng thứ 1 tại Đông Nam Á. Hiện Công nghiệp chế biến đồ gỗ Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển, thị trường gỗ còn nhiều tiềm năng nên số lượng doanh nghiệp ngày càng gia tăng, đủ mọi loại hình. Việt Nam đang có nhiều cơ hội để phát triển ngành gỗ trong thời kỳ suy thoái kinh tế bởi Trung Quốc không còn khuyến khích chế biến ở vùng ven biển mà đẩy sâu vào nội địa, làm tăng giá thành. Với chi phí sản xuất đồ gỗ tương đối thấp, trong khi đó, các nước chế biến gỗ trên thế giới cũng đang gặp khó khăn tại nước họ, đây chính là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp sản xuất chế biến gỗ nước ta tăng cường xuất khẩu.

❖ Ngành kinh doanh bến xe

Hoạt động kinh doanh dịch vụ Bến xe, Bãi đỗ chính là hoạt động dịch vụ công cộng nói riêng và là một phần của ngành giao thông đường bộ nói chung. Phát triển hạ tầng đường bộ phụ thuộc vào mức độ tăng trưởng dân số hằng năm của một quốc gia, phụ thuộc vào mức độ tăng trưởng phương tiện giao thông, phụ thuộc nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân, thực trạng hạ tầng giao thông hiện hữu... Thu nhập bình quân được nâng cao, hệ thống giao thông được cải thiện nên nhu cầu giao thương, thăm viếng, đi lại, cũng như quyền lựa chọn phương tiện đi lại chất lượng cao là rất đáng kể. Mặc dù đây là một xu hướng nhưng mức thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam còn thấp và dân cư chủ yếu vẫn sống ở nông thôn nên tác động của hiệu ứng thay thế này sẽ chưa diễn ra trong tương lai gần. Mặt khác tại một số địa bàn vùng xa, kinh tế chưa phát triển... hệ thống giao thông đi lại chưa thật sự được quan tâm đầu tư, không đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân. Xét trên những khía cạnh đó, có thể thấy rằng nhu cầu phát triển ngành dịch vụ bến xe, bãi đỗ là hết sức tiềm năng.

❖ Ngành khai thác và chế biến đá

Hiện nay nguồn cung ngành đá vẫn chưa đáp ứng được cho nhu cầu vì hàng năm Việt Nam vẫn phải nhập khẩu một lượng đá trang trí đáng kể từ Trung Quốc. Nhu cầu của thị trường còn rất lớn trong thời gian tới khi tốc độ xây dựng, trang trí nội thất, và việc mở rộng ứng dụng đá để thay thế các vật liệu xây dựng khác đang được phổ biến. Ngoài ra việc cấp giấy phép khai thác gần đây cho thấy sự ủng hộ của Chính phủ trong việc đầu tư mạnh vào ngành khai thác và chế biến đá tại Việt Nam mặc dù tại địa phương cơ chế cấp phép còn chậm, kéo dài, và tồn tại nhiều bất cập.

8.3. *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới*

Trong bối cảnh kinh tế hiện tại, doanh nghiệp đang có rất nhiều cơ hội, nhưng cũng không ít thách thức, khó khăn. Với chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, Chính phủ đã cho phép lĩnh vực tư nhân tham gia đầu tư các ngành cơ bản như năng lượng, trồng rừng, kinh doanh bến xe ... Nhận thức được những cơ hội trên: Đức Long Gia Lai kiên định với tầm nhìn chiến lược là tăng trưởng đi đôi với bền vững và hiệu quả. Luôn lấy ngành nghề kinh doanh cốt lõi truyền thống làm nhân tố trung tâm để đa dạng hóa sang các ngành kinh doanh chiến lược khác. Chỉ đạo quán triệt tinh thần đó đến các cấp lãnh đạo, các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã nhanh chóng xác định rõ các mục tiêu chiến lược trung và dài hạn; đồng thời, chỉ đạo sản xuất kinh doanh và huy động nguồn lực để thực hiện các mục tiêu theo các định hướng sau:

- Giữ vững và tăng cường đầu tư phát triển kinh doanh ngành gỗ; nhân rộng mô hình kinh doanh bền xe; phát huy các ngành có thể mạnh tại Gia Lai.
- Cơ cấu hợp lý tỷ trọng các ngành kinh doanh mới nhằm nâng cao lợi nhuận của Tập đoàn trong thời gian tới.
- Đầu tư có chọn lọc các dự án/ngành kinh doanh cơ bản có tính chiến lược dài hạn.
- Tăng cường liên kết với các tổ chức tài chính, các tổ chức ngân hàng để tăng nguồn vốn khi cần thiết.
- Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện mới/hội nhập.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong công ty

Công ty tự hào là nơi tập trung đội ngũ năng động, chuyên nghiệp và có chuyên môn cao, tính đến 31/3/2014, tổng số nhân sự toàn hệ thống là 5.812 người với cơ cấu như sau:

Yếu tố	31/3/2014
Phân theo trình độ chuyên môn	
▪ Trên Đại học	3
▪ Đại học, cao đẳng	296
▪ Trung cấp	106
▪ Lao động phổ thông	5.407

Thu nhập bình quân của người lao động là 6.300.000 đồng/tháng/người.

9.2. Chính sách đối với người lao động:

✦ Chính sách tuyển dụng:

Được Công ty sử dụng khá linh hoạt với nhiều cách thức “tuyển” để “dụng” với những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch... Với thông điệp “ĐỨC LONG - nơi hội tụ nhân tài”, đảm bảo số lượng và chất lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Công ty đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác

tuyển dụng: được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Công ty

✦ Chính sách đào tạo:

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Đào tạo để cùng đồng hành và phát triển với Công ty được coi là chính sách quan trọng. Công ty luôn quan tâm và coi trọng chính sách đào tạo trong từng thời kỳ phát triển của Công ty, đào tạo là phương thức hỗ trợ CB-NV phát triển nghề nghiệp. Mỗi CB-NV đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, học viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp đào tạo phù hợp, như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa ra các tình huống cụ thể sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa... Cuối mỗi khóa đào tạo, học viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo công ty.

CB-CNV làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của đơn vị và bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty

✦ Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp:

Tại Công ty, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch quy hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Công ty có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo đơn vị đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn cho công ty. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Công ty trong những năm tiếp theo.

Công ty có kế hoạch đánh giá năng lực và công việc định kỳ (6 tháng/lần) qua đó đánh giá mục tiêu công việc, mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.

↓ Chính sách tiền lương:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Công ty xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Công ty người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với mức tăng của hệ số trượt giá.

✦ Chính sách thưởng:

Công ty thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc của mình. Công ty có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, công ty cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của công ty, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của CB-NV được sử dụng làm cơ sở để thực hiện các chính sách của công ty, như : quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa, nâng cao; nâng bậc lương trước thời hạn; đề bạt, bổ trí chức vụ cao hơn.

✦ Chính sách phúc lợi:

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Công ty quan tâm hàng đầu. Công ty đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của pháp luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Công ty đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam, ngoài ra cán bộ nhân viên của Công ty còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn; được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao

✦ Môi trường - điều kiện làm việc:

Với phương châm “Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh”, Công ty luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Công ty không ngừng xây dựng một môi trường làm việc:

- * Giao tiếp cởi mở và tôn trọng;
- * Công việc thách thức và sáng tạo;
- * Thu nhập cạnh tranh và công bằng;
- * Cơ hội học tập /thăng tiến rõ ràng và không giới hạn;
- * Thành tích được đánh giá khách quan và khoa học;
- * Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

Công ty luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho CBNV, ngày Hội gia đình và các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Công ty, các hoạt động chung vì cộng đồng...

10. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo.

Năm 2013 Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông với tỷ lệ 6%.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2013: 697.448.980.000 đồng.
- Vốn kinh doanh (Vốn chủ sở hữu) tại ngày 31/12/2013: 808.481.256.306 đồng

- Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Bảng 10: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	08 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08

❖ Mức lương bình quân

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	5.000.000	5.500.000	6.000.000
2	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.000.000	6.000.000	6.300.000

Nguồn: DLG

Mức lương bình quân của CB-NV Công ty nằm ở mức khá so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Hiện nay Công ty đang được các Ngân hàng đánh giá rất cao về khả năng thanh toán lãi và vốn vay. Vào thời điểm 31/12/2013, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn

nào đối với Ngân hàng. Công ty thanh toán công nợ đúng thời gian quy định theo thỏa thuận với các nhà cung cấp.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế Công ty thực hiện trong năm 2012, 2013 và quý 1/2014 như sau:

Bảng 11: Các khoản thuế phải nộp

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Quý 1/2014
1	Thuế GTGT đầu ra	9.285.462.067	15.558.161.381	12.159.644.979
2	Thuế thu nhập cá nhân	334.971.623	1.054.772.113	1.036.123.151
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.246.356.794	17.703.917.617	22.332.144.410
4	Thuế tài nguyên	818.075.028	33.000.000	111.579.983
5	Tiền thuê đất, thuế nhà đất	2.321.521.500	-	-
6	Tiền xuất nhập khẩu	-	-	-
7	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	101.280.000	6.000.000	41.557.020
	Tổng cộng	28.107.667.012	34.365.851.111	35.681.049.543

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và quý 1/2014

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và do ĐHĐCĐ quyết định hàng năm.

Hiện Công ty đang trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ được dùng để chia cổ tức cho các cổ đông.

Bảng 12: Số dư các quỹ đến 31/03/2014

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
Quỹ đầu tư phát triển	14.347.409.324	13.778.680.446	13.778.680.446
Quỹ dự phòng tài chính	4.361.918.275	4.329.972.378	4.329.972.378
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.476.085.344)	436.122.413	456.965.105

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và quý 1/2014

❖ **Tổng dư nợ vay**

Công ty không có nợ quá hạn

Bảng 13: Tình hình dư nợ vay đến 31/03/2014

Đơn vị: Triệu đồng

Đối tượng cho vay	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
1. Vay và nợ ngắn hạn	560.173	118.341	115.100
- Vay ngắn hạn	424.820	95.393	94.918
(NH TMCP Công Thương – CN Gia Lai)	42.741	38.680	38.155
(NH ĐT&PT Việt Nam – CN Gia Lai)	365.578	44.478	44.480
(NH TMCP Ngoại Thương – CN Gia Lai)	6.635	6.635	6.635
(NH Eximbank – CN Tân Sơn Nhất)	5.000	5.000	5.000
(CN NH ĐT &PT Đắk Nông)	200	-	-
(NH NN&PTNT Tỉnh Đắk Nông)	850	-	-
(NH Sài Gòn Thương Tín – CN TPHCM)	3.000	-	-
(NH TMCP Sài Gòn Hà Nội -CN Gia Lai)	800	-	-
(Vay cá nhân, vay các đối tượng khác)	14	600	648
- Nợ dài hạn đến hạn trả	107.366	21.562	18.894
(NH TMCP Công Thương – CN Gia Lai)	-	1.000	500
(NH ĐT&PT Việt Nam – CN Gia Lai)	40	19.223	18.143
(NH Sài Gòn Thương Tín – CN Gia Lai)	5.714	-	-
(NH Sài Gòn Thương Tín – CN HCM)	99.160	-	-
(NH TMCP Kỹ Thương – CN Gia Lai)	33	150	113
(NH Eximbank – CN Tân Sơn Nhất)	1.578	600	-

Đối tượng cho vay	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
(NH ĐT&PT Việt Nam – CN Đắk Nông)	342	171	-
(NH NN&PTNT Tỉnh Đắk Nông)	500	298	48
(NH HD Bank – CN Đắk Lắk)	-	120	90
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả	27.989	1.386	1.288
2. Vay và nợ dài hạn	493.811	1.043.505	1.249.830
- Vay dài hạn	493.811	1.043.505	1.249.830
(NH TMCP Công Thương – CN Gia Lai)	88.932	169.605	304.605
(NH ĐT&PT Việt Nam – CN Gia Lai)	208.633	598.246	662.557
(NH Sài Gòn Thương Tín – CN Gia Lai)	19.329	25.043	33.745
(NH Sài Gòn Thương Tín – CN HCM)	148.840	247.993	247.993
(NH TMCP Việt Á – CN Quảng Ngãi)	27.075	-	-
(NH TMCP Kỹ Thương – CN Gia Lai)	-	450	450
(NH Eximbank – CN Tân Sơn Nhất)	831	1.688	-
(NH ĐT&PT Việt Nam – CN Đắk Nông)	171	-	-
(NH HD Bank tỉnh Đắk Lắk)	-	480	480

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và quý 1/2014

Về số lượng trái phiếu phát hành đến hạn trả:

Năm 2011 Công ty đã phát hành thành công 2.134.000 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, tương ứng với số tiền 213.400.000.000 đồng.

Năm 2012 Công ty đã chuyển đổi thành công 1.854.110 trái phiếu sang cổ phiếu. Số lượng trái phiếu còn lại là 279.890 trái phiếu, tương ứng với 27.989.000.000 đồng. Số liệu này được thể hiện ở mục “Trái phiếu phát hành đến hạn trả” tại ngày 31/12/2012 trên thuyết minh BCTC hợp nhất năm 2012 đã kiểm toán của Công ty. Trong Bản cáo bạch, số liệu này được thể hiện tại bảng 13 như trên về tình hình dư nợ vay.

Tháng 9/2013 Công ty tiếp tục chuyển đổi thành công 265.979 trái phiếu sang cổ phiếu. Số lượng trái phiếu còn lại sau hai lần chuyển đổi là 13.911 trái phiếu, tương ứng với 1.391.100.000 đồng. Ngày 12/11/2013 Công ty đã có văn bản số 448/2013/CV-DLG gửi UBCKNN cam kết không tiến hành chuyển đổi số lượng 13.911 trái phiếu còn lại nêu trên, đồng thời cam kết chi trả gốc và lãi cho các trái chủ. Từ 12/11/2013 – 31/12/2013 Công ty đã chuyển trả gốc và lãi cho các trái chủ với số tiền là 5.397.900 đồng. Số tiền còn lại là 1.385.702.100 đồng được thể hiện ở mục “Trái phiếu phát hành đến hạn trả” tại ngày 31/12/2013 trên thuyết minh BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013 của Công ty.

Trong Bản cáo bạch, số liệu này được làm tròn là 1.386 triệu đồng và thể hiện ở bảng 13 như trên.

Từ 01/01/2014 – 31/03/2014: Công ty đã chuyển trả gốc và lãi cho các trái chủ với số tiền là 97.302.100 đồng. Số tiền còn lại là 1.288.400.000 đồng được thể hiện ở mục “Trái phiếu phát hành đến hạn trả” tại ngày 31/03/2014 trên thuyết minh BCTC hợp nhất quý 1/2014 của Công ty. Trong Bản cáo bạch, số liệu này được làm tròn là 1.288 triệu đồng và thể hiện ở bảng 13 như trên.

Từ ngày 01/4/2014 – 23/5/2014: Công ty tiếp tục chuyển trả gốc và lãi cho các trái chủ số tiền là 366.700.000 đồng. Số tiền trái phiếu phát hành đến hạn trả còn lại là 921.700.000 đồng. Đây chủ yếu là các trái chủ có số trái phiếu nhỏ lẻ và địa chỉ không rõ ràng. Công ty đang tìm mọi cách liên lạc với các trái chủ để thanh toán số tiền còn lại cho các trái chủ trong thời gian sớm nhất. Tình hình chi trả cụ thể sẽ được thể hiện trên BCTC hợp nhất các quý tiếp theo của Công ty.

❖ Tình hình công nợ hiện nay

✓ Các khoản phải thu

Bảng 14: Các khoản phải thu đến 31/03/2014

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
Phải thu ngắn hạn	624.776	512.241	627.764
Phải thu của khách hàng	422.698	293.003	375.468
Trả trước cho người bán	108.655	139.612	142.671
Các khoản phải thu khác	98.198	85.113	115.112
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.775)	(5.487)	(5.487)
Phải thu dài hạn	0	0	0

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và quý 1/2014

✓ Các khoản phải trả

Bảng 15: Các khoản phải trả đến 31/03/2014

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
Nợ ngắn hạn	805.672	461.046	454.485
Vay và nợ ngắn hạn	560.173	118.341	115.100
Phải trả cho người bán	119.707	141.768	153.989
Người mua trả tiền trước	5.239	20.292	12.184
Phải trả người lao động	6.383	6.841	3.939
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28.108	34.366	35.681
Chi phí phải trả	7.106	21.041	22.217
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	80.433	117.961	110.918
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.476)	436	457
Nợ dài hạn	507.183	1.047.762	1.251.990
Vay và nợ dài hạn	493.811	1.043.505	1.249.830
Phải trả dài hạn khác	513	0	0
Doanh thu chưa thực hiện	8.217	249	163
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.642	4.007	1.997

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và quý 1/2014

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Quý 1/2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,5	2,64	2,53
+ Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	1,0	1,92	1,87
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,60	0,62	0,65
+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,68	1,87	2,07
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/ Hàng tồn kho bình quân)	Lần	1,62	2,01	0,60
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,74	0,33	0,08
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,03	0,21	8,29
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,03	0,21	2,16
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,01	0,07	0,67
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,16	0,14	6,90
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)		23,84	30,85	246,81

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012, 2013 và quý 1/2014

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

12.1. Hội đồng quản trị

Bảng 16: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Pháp	Chủ tịch Hội đồng quản trị	26.434.149	39,40%
2	Đỗ Thanh	Ủy viên Hội đồng quản trị	17.500	0,05%
3	Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên Hội đồng quản trị	788.660	1,18%
4	Phạm Anh Hùng	Ủy viên Hội đồng quản trị	-	-
5	Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên Hội đồng quản trị	8.800	0,01%

12.1.1. Ông Bùi Pháp

- | | |
|------------------------|---|
| 1. Họ và tên | BÙI PHÁP |
| 2. Giới tính | Nam |
| 3. Ngày sinh | 09/11/1962 |
| 4. Nơi sinh | Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định |
| 5. Quốc tịch | Việt Nam |
| 6. Dân tộc | Kinh |
| 7. Quê quán | Hoài Nhơn – Hoài Ân – Bình Định |
| 8. Địa chỉ thường trú | 03 Trần Quang Khải, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai |
| 9. CNMD số | 230512386 cấp ngày 26/06/2003 tại công an Gia Lai |
| 10. Điện thoại cơ quan | (059) 748 789 |
| 11. Trình độ văn hóa | 12/12 |
| 12. Trình độ học vấn | Chuyên viên kinh tế |
| 13. Quá trình công tác | |
| - Từ 1995 – 2002 | Giám đốc Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai |
| - Từ 2003 – 12/06/2007 | Giám đốc Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai |

- Từ 13/06/2007 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

14. Chức vụ hiện nay Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

15. Chức vụ tại các tổ chức khác Không

16. Số cổ phần nắm giữ 26.434.149 cổ phần
✓ Sở hữu cá nhân: 26.434.149 cổ phần
✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: 359.682 cổ phần

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CMND	Cổ phần nắm giữ
1	Bùi Thị Bích Liên	Chị	211277254	8
2	Bùi Văn Hùng	Anh	230031140	3
3	Bùi Thị Anh	Chị	210804850	51.881
4	Nguyễn Thị Hương	Vợ	230479715	307.790

18. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

19. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

21. Các khoản nợ đối với Công ty : Không

22. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

23. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm.

12.1.2. Ông Đỗ Thanh

1. Họ và tên ĐỖ THANH

2. Giới tính Nam

- | | |
|---|---|
| 3. Ngày sinh | 04/06/1957 |
| 4. Nơi sinh | Đại An – Đại Lộc – Quảng Nam |
| 5. Quốc tịch | Việt Nam |
| 6. Dân tộc | Kinh |
| 7. Quê quán | Đại An – Đại Lộc – Quảng Nam |
| 8. Địa chỉ thường trú | 2/11 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Hoa Lư, TP Pleiku |
| 9. CNMD số | 230498198 cấp ngày 24/05/1993 tại công an Gia Lai |
| 10. Điện thoại cơ quan | (059) 748 367 |
| 11. Trình độ văn hóa | 12/12 |
| 12. Trình độ học vấn | Cử nhân kinh tế |
| 13. Quá trình công tác | |
| - Từ 1982 – 1986 | Kế toán trưởng Xí nghiệp Cơ khí Gia Lai |
| - Từ 1987 – 1991 | Chuyên viên Kinh tế sở Công nghiệp Gia Lai |
| - Từ 1992 – 2001 | Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu Gia Lai |
| - Từ 2002 – 2005 | Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp Tư doanh ĐLGL |
| - Từ 2006 – 06/2007 | Phó Giám đốc kinh doanh Xí nghiệp Tư doanh ĐLGL |
| - Từ 06/2007 – nay | Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai |
| 14. Chức vụ hiện nay | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai |
| 15. Chức vụ tại các tổ chức khác | Không |
| 16. Số cổ phần nắm giữ | 17.500 cổ phần |
| | ✓ <i>Sở hữu cá nhân: 17.500 cổ phần</i> |
| | ✓ <i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần</i> |
| 17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: | 0 cổ phần |
| 18. Hành vi vi phạm pháp luật | : Không |
| 19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | : Không |
| 20. Các khoản nợ đối với Công ty | : Không |

21. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
22. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua hằng năm.

12.1.3. Ông Nguyễn Đình Trạc

- | | |
|----------------------------------|---|
| 1. Họ và tên | NGUYỄN ĐÌNH TRẠC |
| 2. Giới tính | Nam |
| 3. Ngày sinh | 20/06/1957 |
| 4. Nơi sinh | Nhơn Hoà – An Nhơn – Bình Định |
| 5. Quốc tịch | Việt Nam |
| 6. Dân tộc | Kinh |
| 7. Quê quán | Nhơn Hoà – An Nhơn – Bình Định |
| 8. Địa chỉ thường trú | 60B Trần Cao Vân, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai |
| 9. CNMD số | 230018482 cấp ngày 13/06/2007 tại công an Gia Lai |
| 10. Điện thoại cơ quan | (059) 747 206 |
| 11. Trình độ văn hóa | 12/12 |
| 12. Trình độ học vấn | Cử nhân kinh tế |
| 13. Quá trình công tác | Kế toán Lâm trường Hội An, An Khê, Gia Lai |
| - Từ 1976 – 1989 | Kế toán trưởng Cty Trồng rừng Nguyên liệu Công nghiệp Gia Lai |
| - Từ 1990 – 2001 | Giám đốc sản xuất XNTD Đức Long Gia Lai |
| - Từ 2002 – 2004 | Trợ lý Giám đốc XNTD Đức Long Gia Lai |
| - Từ 2005 – 05/2007 | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai |
| - Từ 06/2007 – nay | Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai |
| 14. Chức vụ hiện nay | Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai |
| 15. Chức vụ tại các tổ chức khác | Không |
| 16. Số cổ phần nắm giữ | 788.660 cổ phần |

✓ *Sở hữu cá nhân: 788.660 cổ phần*

✓ *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần*

17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: 0 cổ phần

18. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

20. Các khoản nợ đối với Công ty : Không

21. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

22. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm.

12.1.4. Ông Phạm Anh Hùng

- | | |
|------------------------|--|
| 1. Họ và tên | PHẠM ANH HÙNG |
| 2. Giới tính | Nam |
| 3. Ngày sinh | 31/10.1972 |
| 4. Nơi sinh | Pleiku, Gia Lai |
| 5. Quốc tịch | Việt Nam |
| 6. Dân tộc | Kinh |
| 7. Quê quán | Nghĩa Đồng – Tư Nghĩa – Quảng Ngãi |
| 8. Địa chỉ thường trú | Tổ 4, Phường Thống Nhất, Pleiku, Gia Lai |
| 9. CNMD số | 230427792 cấp ngày 05/08/2010 tại công an Gia Lai |
| 10. Điện thoại cơ quan | (059) 3748 927 |
| 11. Trình độ văn hóa | 12/12 |
| 12. Trình độ học vấn | Cử nhân Luật |
| 13. Quá trình công tác | |
| - Từ 2000 – 2005 | Nhân viên Kinh doanh Nông sản tại Công ty XNK Tỉnh Gia Lai |
| - Từ 2006 – 2010 | Nhân viên Kinh doanh Nông sản Công ty TNHH An Lạc – IaGrai – Gia Lai |
| - Từ 11/2010 – 4/2011 | Trợ lý Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai |

- Từ 4/2011 đến nay Trưởng ban Đầu Tư – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
14. Chức vụ hiện nay Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
15. Chức vụ tại các tổ chức khác Không
16. Số cổ phần nắm giữ 0 cổ phần
✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: 220 cổ phần

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CMND	Cổ phần nắm giữ
1	Phạm Thị Kim Ngân	Em ruột	230525972	220

18. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
20. Các khoản nợ đối với Công ty : Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
22. Thù lao và các khoản lợi ích khác qua hàng năm. : Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông

12.1.5. Ông Nguyễn Trung Kiên

- Họ và tên NGUYỄN TRUNG KIÊN
- Giới tính Nam
- Ngày sinh 30/10/1974
- Nơi sinh Châu Can, Phú Xuyên, Hà Tây
- Quốc tịch Việt Nam
- Dân tộc Kinh
- Quê quán Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú 64 Phạm Ngũ Lão, Phường Trà Bá, Pleiku, Gia Lai

- | | |
|---|--|
| 9. CNMD số | 111188411 cấp ngày 21/06/2010 tại công an Hà Nội |
| 10. Điện thoại cơ quan | (059) 3748 896 |
| 11. Trình độ văn hóa | 12/12 |
| 12. Trình độ học vấn | Kỹ sư Xây dựng |
| 13. Quá trình công tác | |
| - Từ 1996 - 2000 | Nhân viên Kỹ thuật tại Công ty Công trình 86 – Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy |
| - Từ 2000 – 2002 | Nhân viên Kỹ thuật – Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy |
| - Từ 2002 – 2005 | Nhân viên Kỹ thuật tại Công ty Thi công Cơ giới – Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy |
| - Từ 2005 -2007 | Trưởng ban QLDA – Xí nghiệp Tư doanh Đức Long |
| - Từ 2007 – 2010 | Trưởng ban QLDA Đức Long Tower – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai |
| - Từ 2010 – 2012 | Giám đốc Công ty TNHH Hà Trung |
| - Từ 10/2012 đến nay | Giám đốc Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắk Nông |
| 14. Chức vụ hiện nay | Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai |
| 15. Chức vụ tại các tổ chức khác | Không |
| 16. Số cổ phần nắm giữ | 8.800 cổ phần |
| | ✓ Sở hữu cá nhân: 8.800 cổ phần |
| | ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần |
| 17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: | 0 cổ phần |
| 18. Hành vi vi phạm pháp luật | : Không |
| 19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | : Không |
| 20. Các khoản nợ đối với Công ty | : Không |
| 21. Lợi ích liên quan đối với Công ty | : Không |
| 22. Thù lao và các khoản lợi ích khác qua hằng năm. | : Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông |

12.2. Ban kiểm soát

Bảng 17: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lê Ngọc Minh	Trưởng ban	-	-
2	Phạm Thị Bích Loan	Thành viên	-	-
3	Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên	-	-

12.2.1. Ông Lê Ngọc Minh

- | | |
|------------------------|---|
| 1. Họ và tên | LÊ NGỌC MINH |
| 2. Giới tính | Nam |
| 3. Ngày sinh | 02/02/1965 |
| 4. Nơi sinh | Nhơn Lộc, An Nhơn, Bình Định |
| 5. Quốc tịch | Việt Nam |
| 6. Dân tộc | Kinh |
| 7. Quê quán | Nhơn Lộc, An Nhơn, Bình Định |
| 8. Địa chỉ thường trú | Số 51 Phùng Hưng, P.Hội Thương, Pleiku, Gia Lai |
| 9. CNMD số | 230314858 cấp ngày 22/10/2008 tại công an TP.Pleiku |
| 10. Điện thoại cơ quan | (059) 3820 359 |
| 11. Trình độ văn hóa | 12/12 |
| 12. Trình độ học vấn | Trung cấp Thương Nghiệp |
| 13. Quá trình công tác | |
| - Từ 1985 – 1988 | Công tác Công ty Thương Nghiệp Cấp III Mang Yang |
| - Từ 1999 – 2000 | Công tác Hạt kiểm lâm Đức Cơ |
| - Từ 2000 – 2008 | Công tác Công ty TNHH Trường Hải, Pleiku |
| - Từ 2009 – 2013 | Công tác Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai |
| 14. Chức vụ hiện nay | Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai |

15. Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
16. Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: 0 cổ phần
18. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
20. Các khoản nợ đối với Công ty : Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
22. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm.

12.2.2. Bà Phạm Thị Bích Loan

1. Họ và tên : PHẠM THỊ BÍCH LOAN
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày sinh : 29/11/1987
4. Nơi sinh : Thôn Gia Chiêu 2, Thị trấn Tăng Bạt Hổ, tỉnh Bình Định
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : Thôn Gia Chiêu 2, Thị trấn Tăng Bạt Hổ, tỉnh Bình Định
8. Địa chỉ thường trú : Thôn Đức Long, Xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định
9. CNMD số : 215066853 cấp ngày: 28/5/2008 tại CA tỉnh Bình Định
10. Điện thoại cơ quan : 059 3747 366
11. Trình độ văn hóa : 12/12
12. Trình độ học vấn : Cử nhân

13. Quá trình công tác

Từ năm 2006 - 2010	Học Cao đẳng Đức Trí Đà Nẵng
Từ năm 11/2010-4/2011:	CT CP Tập đoàn Đức Long Gia lai (Kế toán vật tư)
Từ năm 4/2011- 3/5/2014	CTCP Tập đoàn Đức Long Gia lai (Kế toán vật tư)
Từ 04/05/2014 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia lai kiêm thành viên Ban Kiểm soát nội bộ Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia lai

14. Chức vụ hiện nay

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia lai kiêm thành viên Ban Kiểm soát nội bộ Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia lai

15. Chức vụ tại các tổ chức khác

Không

16. Số cổ phần nắm giữ

0 cổ phần

✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: 0 cổ phần

18. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

20. Các khoản nợ đối với Công ty : Không

21. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

22. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua hằng năm.

12.2.3. Ông Nguyễn Văn Nguyên

1. Họ và tên	NGUYỄN VĂN NGUYÊN
2. Giới tính	Nam
3. Ngày sinh	07/10/1978
4. Nơi sinh	Đà Nẵng
5. Quốc tịch	Việt Nam
6. Dân tộc	Kinh
7. Quê quán	Xã Điện Dương, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
8. Địa chỉ thường trú	Tổ 1, Phường Trà Bá, Pleiku, Gia Lai

9. CNMD số 2301319527 cấp ngày 09/11/2006 tại CA Đà Nẵng
10. Điện thoại cơ quan (059) 374 8367
11. Trình độ văn hóa 12/12
12. Trình độ học vấn Đại học
13. Quá trình công tác
- Từ 2001 – 8/2007 Nhân viên UBND P. An Hải Đông, Q. Sơn Trà, ĐN
 - Từ 9/2007 – 12/2009 Chuyên viên Ban Nội chính – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 - Từ 12/2009 – 12/2012 Phó Trưởng Ban Nội chính – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 - Từ 01/2013 đến 31/03/2014 Trưởng Ban Nội chính – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 - Từ 01/04/2014 Phó Chánh VP - CT CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
14. Chức vụ hiện nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai kiêm Trưởng Ban nội chính Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
15. Chức vụ tại các tổ chức khác Không
16. Số cổ phần nắm giữ 0 cổ phần
- ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: 0 cổ phần
18. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
20. Các khoản nợ đối với Công ty : Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
22. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm.

12.3. Ban Tổng Giám đốc

Bảng 18: Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ	CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Anh Hùng	Ủy viên HĐQT – kiêm Tổng giám đốc	-	-

2	Đỗ Thanh	Ủy viên HĐQT – kiêm Phó Tổng giám đốc	17.500	0,03%
3	Phan Xuân Viên	Phó Tổng giám đốc	-	-
4	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc	-	-
5	Phạm Minh Việt	Phó Tổng giám đốc	-	-

12.3.1. Ông Phan Xuân Viên

1. Họ và tên PHAN XUÂN VIÊN
2. Giới tính Nam
3. Ngày sinh 11/07/1956
4. Nơi sinh Thừa Thiên Huế
5. Quốc tịch Việt Nam
6. Dân tộc Kinh
7. Quê quán Thừa Thiên Huế
8. Địa chỉ thường trú Xã Quảng Tiến – Trảng Bom – Tỉnh Đồng Nai
9. CNMD số 272240222 cấp ngày 01/07/2008 tại công an Đồng Nai
10. Điện thoại cơ quan (063) 3998 568
11. Trình độ văn hóa 10/10
12. Trình độ học vấn Kỹ sư Lâm nghiệp, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
13. Quá trình công tác
 - Từ 2004 – 2009 Công tác tại Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
14. Chức vụ hiện nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
15. Chức vụ tại các tổ chức khác Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc
16. Số cổ phần nắm giữ 0 cổ phần
 ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: 0 cổ phần
18. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
20. Các khoản nợ đối với Công ty : Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
22. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua hằng năm.

12.3.2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- | | |
|------------------------|---|
| 1. Họ và tên | NGUYỄN TIẾN DŨNG |
| 2. Giới tính | Nam |
| 3. Ngày sinh | 02/04/1970 |
| 4. Nơi sinh | Hà Nội |
| 5. Quốc tịch | Việt Nam |
| 6. Dân tộc | Kinh |
| 7. Quê quán | Hoài Nhơn – Bình Định |
| 8. Địa chỉ thường trú | 4C1, Hoàng Văn Thụ, Pleiku, Gia Lai |
| 9. CNMD số | 230397767 cấp ngày 25/09/2010 tại công an Gia Lai |
| 10. Điện thoại cơ quan | (059) 3747 206 |
| 11. Trình độ văn hóa | 12/12 |
| 12. Trình độ học vấn | Chuyên viên Kinh tế |
| 13. Quá trình công tác | |
| - Từ 1991 – 2002: | Làm việc tại Công ty XNK Tỉnh Gia Lai |
| - Từ 2002 – 2007: | Kế toán Trưởng Công ty XNK Tỉnh Gia Lai |
| - Từ 2007 – 2008: | Công tác tại Công ty Điện Gia Lai |
| - Từ 2008 – 2009: | Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai |
| - Từ 2009 – nay: | Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai |

- | | |
|---|--|
| 14. Chức vụ hiện nay | Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai |
| 15. Chức vụ tại các tổ chức khác | Không |
| 16. Số cổ phần nắm giữ | 0 cổ phần
✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần |
| 17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: | 0 cổ phần |
| 18. Hành vi vi phạm pháp luật | : Không |
| 19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | : Không |
| 20. Các khoản nợ đối với Công ty | : Không |
| 21. Lợi ích liên quan đối với Công ty | : Không |
| 22. Thù lao và các khoản lợi ích khác qua hằng năm. | : Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông |

12.3.3. Ông Phạm Minh Việt

- | | |
|------------------------|--|
| 1. Họ và tên | PHẠM MINH VIỆT |
| 2. Giới tính | Nam |
| 3. Ngày sinh | 29/11/1975 |
| 4. Nơi sinh | Nghĩa Đồng - Quảng Ngãi |
| 5. Quốc tịch | Việt Nam |
| 6. Dân tộc | Kinh |
| 7. Quê quán | Nghĩa Đồng – Quảng Ngãi |
| 8. Địa chỉ thường trú | 23/46/3 Vạn Kiếp, Phường Thống Nhất, Pleiku, Gia Lai |
| 9. CNMD số | 230583177 cấp ngày 19/03/1999 tại công an Gia Lai |
| 10. Điện thoại cơ quan | (059) 3748 367 |
| 11. Trình độ văn hóa | 12/12 |
| 12. Trình độ học vấn | Kỹ sư xây dựng cầu đường |
| 13. Quá trình công tác | |

- Từ 2003 – 06/2006: Trưởng phòng Kỹ thuật CT TNHH Tư vấn Công trình

- Sài Gòn
- Từ 07/2006 – 04/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật Cty CP Tư vấn Phương Nam
 - Từ 04/2009 – 03/2010: Giám đốc điều hành dự án Cty CP ĐTXD&TM Thăng Long
 - Từ 03/2010 – 10/2010: Trưởng Ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 - Từ 10/2010 – nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
14. Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
15. Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
16. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: 220 cổ phần

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CMND	Cổ phần nắm giữ
1	Phạm Thị Kim Ngân	Em	230525972	220

18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
20. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
22. Thù lao và các khoản lợi ích khác qua hàng năm: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông

12.4. Kế toán trưởng

1. Họ và tên: VŨ THỊ HẢI
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 02/02/1966
4. Nơi sinh: Ninh Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Dân tộc Kinh
7. Quê quán Kim Sơn – Ninh Bình
8. Địa chỉ thường trú 17 Lê Thánh Tôn, Phường Ia Kring, Pleiku, Gia Lai
9. CNMD số 230462219 cấp ngày 05/04/1989 tại công an Gia Lai
10. Điện thoại cơ quan (059) 3748 367
11. Trình độ văn hóa 12/12
12. Trình độ học vấn Cử nhân Kinh tế, Trung cấp Lý luận Chính trị
13. Quá trình công tác
- Từ 10/1987 – 11/1998: Nhân viên Kế toán – Công ty Dịch vụ Du lịch Gia Lai
- Từ 11/1998 – 12/2006: Phó phòng Kế toán – Công ty Dịch vụ Du lịch Gia Lai
- Từ 12/2006 – 09/2007: Trưởng Ban kiểm soát kiêm Phó phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Dịch vụ Du lịch Gia Lai
- Từ 02/2008 – 04/2011: Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Từ 04/2011 – nay Trưởng Ban tài chính kiêm phụ trách mảng Quan hệ nhà đầu tư – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
14. Chức vụ hiện nay Kế toán Trưởng kiêm phụ trách mảng Quan hệ Nhà đầu tư – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
15. Chức vụ tại các tổ chức khác Không
16. Số cổ phần nắm giữ 28.231 cổ phần
- ✓ Sở hữu cá nhân: 28.231 cổ phần
- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
17. Số cổ phần người có liên quan đang nắm giữ: 24.440 cổ phần

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CMND	Cổ phần nắm giữ
1	Phạm Hùng	Con	230774202	24.440

18. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
20. Các khoản nợ đối với Công ty : Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
22. Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hàng năm

13. Tài sản

Bảng 19: Cơ cấu tài sản tính tới 31/12/2013

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định hữu hình	180.846.753.196	52.819.692.794	128.027.060.402
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	135.290.564.996	33.205.340.703	102.084.224.293
2	Máy móc thiết bị	18.035.434.596	3.559.955.255	14.475.479.341
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	26.774.835.282	15.489.929.685	11.284.905.597
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	745.918.322	563.467.151	182.451.171
B	Tài sản cố định vô hình	45.522.204.763	354.783.489	45.167.421.274
1	Quyền sử dụng đất lâu dài	44.473.754.270	1.789.775	43.505.231.270
2	Quyền khai thác mỏ đá Đăk Wei	617.689.701	0	617.689.701
3	Phần mềm máy tính	430.760.792	352.984.714	77.776.078
	Tổng cộng	226.368.957.959	53.174.476.283	173.194.481.676

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2013

❖ Danh mục đất đai, nhà xưởng (tính đến ngày 31/12/2013)

Bất động sản	Quy mô	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng (dự kiến)	Tình trạng
117 - 119 - 121 Trần Phú, TP. Pleiku, Gia Lai	1.195 m ²	Xây dựng cao ốc Đức Long tower	Đang sử dụng	Sở hữu

Bất động sản	Quy mô	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng (dự kiến)	Tình trạng
120 - 120 A Trần Phú & 30B Nguyễn Trường Tộ. TP. Pleiku. Gia Lai	265,4 m ²	Trung tâm thương mại	Đang sử dụng	Sở hữu
67 Ngô Thời Nhậm. TP. Pleiku. Gia Lai	2.626 m ²	Đất xây dựng	Đang sử dụng	Sở hữu
QSDĐ số 01763 QSDĐ/632/2000/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế. TP. Pleiku. Gia Lai)	2.698 m ²	Xây dựng nhà xưởng	Đang sử dụng	Sở hữu
QSDĐ số 01811 QSDĐ/86/2002/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế. TP. Pleiku. Gia Lai)	1.759 m ²	Xây dựng nhà xưởng	Đang sử dụng	Sở hữu
QSDĐ số 00724 QSDĐ/86/2002/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế. TP. Pleiku. Gia Lai)	1.458 m ²	Xây dựng nhà xưởng	Đang sử dụng	Sở hữu
QSDĐ số 01808 QSDĐ/75/2002/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế. TP. Pleiku. Gia Lai)	4.702 m ²	Xây dựng nhà xưởng	Đang sử dụng	Sở hữu
Xã IaTiêm. huyện Chư Sê. Gia Lai	534.390 m ²	Trồng cây cao su	Đang sử dụng	Sở hữu
95 Hai Bà Trưng. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai	166,37 m ²	Khách sạn	Đang sử dụng	Sở hữu
97 Hai Bà Trưng. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai	128 m ²	Khách sạn	Đang sử dụng	Sở hữu
99 Hai Bà Trưng. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai	106,59 m ²	Khách sạn	Đang sử dụng	Sở hữu
Đường An Dương Vương. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai	9.935 m ²	Đất xây dựng	Đang sử dụng	Sở hữu
Đường Lý Nam Đế. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai	1.920 m ²	Xây dựng nhà xưởng	Đang sử dụng	Sở hữu
97/2 Nguyễn Hữu Cánh. Q. Bình Thạnh. TP. Hồ Chí Minh	582,7 m ²	Đất xây dựng	Đang sử dụng	Sở hữu

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 20: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	% tăng giảm 2014/2013
1	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	697.448	1.494.540	114,28
2	Doanh thu thuần (triệu đồng)	801.759	1.115.000	39,06
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	1.676	91.000	532,96
4	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,21	8,16	7,95
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ (%)	0,21	5,67	5,46
6	Cổ tức (%)	6	7	1

Nguồn: DLG

❖ Căn cứ để đạt được kế hoạch

Trong năm 2014, Đức Long Gia Lai tiếp tục ưu tiên phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi tạo doanh thu lợi nhuận cao như sản xuất kinh doanh chế biến gỗ xuất khẩu và nội địa, kinh doanh bến xe, khách sạn và kinh doanh các dịch vụ thương mại khác.

Ngoài ra, Công ty tăng cường khai thác doanh thu và lợi nhuận từ các ngành nghề mới như: khai thác đá, chế biến đá granit phục vụ nhu cầu xây dựng tại địa phương và các tỉnh, thành phố lân cận; kinh doanh vật liệu xây dựng, vật dụng cầu đường; khai thác và chế biến chi kềm; khai thác và chế biến mù cao su; trồng và chế biến các sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn ngày.

Dựa trên các hợp đồng lớn đã ký kết đang thực hiện, kết quả đàm phán các hợp đồng trong tương lai; kết hợp với nhận định khả quan về tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước cùng khả năng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã lên kế hoạch chi tiết doanh thu lợi nhuận cho từng sản phẩm dịch vụ nhằm quyết tâm thực hiện kế hoạch năm 2014 như sau:

Bảng 21: Chi tiết kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2014

ĐVT: Đồng

STT	Các chỉ tiêu	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
1	Doanh thu sản phẩm gỗ	100,000,000,000	3,000,000,000
2	Doanh thu dịch vụ bến xe bãi đỗ	35,000,000,000	10,000,000,000
3	Doanh thu thương mại	300,000,000,000	6,000,000,000

STT	Các chỉ tiêu	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
4	Doanh thu vật liệu xây dựng	150,000,000,000	7,000,000,000
5	Doanh thu xây dựng cầu đường	300,000,000,000	27,000,000,000
6	Doanh thu dịch vụ khác	70,000,000,000	7,000,000,000
7	Doanh thu khai thác và chế biến khoáng sản	40,000,000,000	8,000,000,000
8	Doanh thu khai thác và chế biến mùn cao su	50,000,000,000	2,000,000,000
9	Doanh thu từ trồng trọt nông nghiệp	70,000,000,000	21,000,000,000
	Tổng cộng	1.115.000.000.000	91.000.000.000

Kết quả kinh doanh quý 1/2014 của Công ty: Doanh thu thuần đạt 215 tỷ đồng, tăng 104,76% so với cùng kỳ năm 2013, bằng 19,28% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 17,8 tỷ đồng, tăng 1.135,92% so với cùng kỳ năm 2013, bằng 19,56% kế hoạch năm. Kết quả lợi nhuận đến cuối năm 2014 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Lợi nhuận đã thực hiện Quý 1/2014	Kế hoạch lợi nhuận Quý 2/2014	Kế hoạch lợi nhuận Quý 3/2014	Kế hoạch lợi nhuận Quý 4/2014
17.816.428.279	16.900.000.000	22.500.000.000	33.783.571.721

Với các kết quả khả quan đã đạt được trong quý 1/2014, cùng với những dấu hiệu phục hồi rất tích cực của nền kinh tế trong và ngoài nước và sự quyết tâm cao của HĐQT, Ban TGD cùng toàn thể CBCNV, Công ty tin tưởng có thể hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2014.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất

kinh doanh và tình hình tài chính hiện tại, chúng tôi cho rằng với những chuyển biến tích cực của nền kinh tế từ năm 2014 trở đi thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm 2014 là khả thi và kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty có thể được thực hiện. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty

Không có

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Loại cổ phiếu:

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá:

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 79.509.182 cổ phiếu. Trong đó:

- ✓ Chào bán 69.744.898 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1.
- ✓ Phát hành thêm 4.184.693 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu cho các cổ đông
- ✓ Phát hành thêm 5.579.591 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu.

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Hội đồng Quản trị Công ty ước giá trị sổ sách 1 cổ phần tại thời điểm 31/12/2013 để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu:

STT	Khoản mục	Giá trị ước tính
1	Tổng tài sản tại 31/12/2013 (đồng)	2.420.313.140.855
2	Nợ phải trả tại 31/12/2013 (đồng)	1.508.807.366.681
3	Tài sản vô hình tại 31/12/2013 (đồng)	45.167.421.274
4	Số cổ phần đang lưu hành (CP)	69.744.898
5	Giá trị sổ sách 1 cổ phần (đồng/CP) $\{6 = (1-2-3)/4\}$	12.421

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, đồng thời, để khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên Hội đồng Quản trị Công ty đề xuất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu bằng 80,51% giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, tương đương với 10.000 đồng/cổ phiếu. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị về giá chào bán, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã nhất trí giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu bằng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2014 vừa qua.

6. Phương thức phân phối

Triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Công ty dự kiến sẽ phát hành: 79.509.182 cổ phiếu theo phương thức phân phối như sau:

6.1 Chào bán 69.744.898 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với các nội dung cụ thể sau đây:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 69.744.898 cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 697.448.980.000 đồng.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số tiền dự kiến thu được: 697.448.980.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền 1 : 1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ mỗi 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 584 cổ phiếu. Khi

đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $(584 : 1) \times 1 = 584$ cổ phiếu.

- Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba).
- Số cổ phiếu còn lại do làm tròn xuống và số cổ phiếu các cổ đông không thực hiện quyền mua sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định chào bán cho các nhà đầu tư có nhu cầu (kể cả các cổ đông hiện hữu có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Trong trường hợp tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác nhưng vẫn không bán hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn thực góp của các nhà đầu tư và số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

6.2 Phát hành thêm 4.184.693 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu là 100:6 (tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng là 6%):

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 4.184.693 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 41.846.930.000 đồng.
- Đối tượng được nhận cổ tức bằng cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:6 (tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng là 6%) (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu và cứ mỗi 100 quyền nhận sẽ được nhận 06 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị).
- Quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu khi chia cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 584 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $(584 : 100)$

$\times 6 = 35,04$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ đông Nguyễn Văn A sẽ được nhận số cổ phiếu làm tròn xuống là 35 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy.

- Đặc điểm cổ phiếu được chia: Cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu và là cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ tiền mua và không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Nguồn vốn thực hiện: Lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2013 trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (Số liệu này tại BCTC là 43.001.361.482 đồng).

6.3 Phát hành thêm 5.579.591 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu là 100:8 (tỷ lệ 8%):

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 5.579.591 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 55.795.910.000 đồng.
- Đối tượng được chia cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:8 (tỷ lệ 8%) (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu và cứ mỗi 100 quyền nhận sẽ được nhận 08 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị).
- Quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu khi chia cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 584 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $(584 : 100) \times 8 = 46,72$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 46 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy.
- Đặc điểm cổ phiếu được chia: Cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu và là cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ tiền mua và không bị hạn chế chuyển nhượng.

Nguồn vốn thực hiện: Lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần lũy kế đến 31/12/2013 số tiền là: 48.821.428.600 đồng và quỹ đầu tư phát triển lũy kế đến 31/12/2013 số tiền là: 6.974.481.400 đồng (trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai Thặng dư vốn cổ phần lũy kế đến 31/12/2013 là 49.922.262.000 đồng, Quỹ đầu tư phát triển lũy kế đến 31/12/2013 là 13.778.680.446 đồng).

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Đối với cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: Dự kiến trong vòng 90 ngày kể từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu DLG ra công chúng.

Công ty dự kiến lịch trình phân phối cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và niêm yết số cổ phần trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh như sau

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	D
2	Công bố thông tin theo quy định	D+5
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D+1 đến D+5
4	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt danh sách cổ đông được nhận mua cổ phần	D+20
5	Chuyển nhượng quyền mua	D+20 đến D+40
6	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D+20 đến D+50
7	Thực hiện bán và xử lý đối với số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D+50 đến D+60
8	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung	D+60 đến D+70
9	Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM chấp thuận niêm yết bổ sung và chính thức giao dịch cổ phiếu trên HSX	D+70 đến D+80

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng

- D là ngày nhận giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN

Đối với cổ phiếu phát hành trả cổ tức và cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu: Dự kiến thực hiện ngay sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu DLG ra công chúng, thực hiện đồng thời cùng với danh sách cổ đông được chốt để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.

8. **Đăng ký mua cổ phiếu**

Sau khi nhận giấy phép chào bán cổ phiếu của UBCKNN, Hội đồng quản trị DLG sẽ làm việc với Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc phân bổ quyền mua cổ phần phát hành thêm.

Bước 1: Thông cáo báo chí

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp, DLG sẽ hoàn tất thủ tục để ra thông báo phát hành trên 01 tờ báo địa phương hoặc 01 tờ báo chuyên ngành.

Bước 2 : Xác định danh sách sở hữu cuối cùng

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp, DLG sẽ xác định danh sách sở hữu cuối cùng và gửi thông báo đề nghị tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp xác định ngày giao dịch không hưởng quyền mua, lập và cung cấp danh sách sở hữu cuối cùng. Dự kiến thực hiện xong trong vòng 10 ngày làm việc.

Bước 3 : Phân bổ và thông báo quyền mua

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách sở hữu cuối cùng, tổ chức phát hành sẽ phối hợp cùng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua trước cổ phần đến các thành viên lưu ký, các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.

Bước 4: Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần

Trên cơ sở danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại tổ chức phát hành. Thời gian đăng ký thực

hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách phân bổ quyền ưu tiên mua trước cổ phiếu, từ ngày D+20 đến ngày D+50.

Bước 5: Chuyển nhượng mua cổ phần

Quyền mua cổ phiếu được thực hiện chuyển nhượng trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày thông báo danh sách phân bổ quyền, từ ngày D+20 đến ngày D+40 tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản chứng khoán đối với chứng khoán đã lưu ký. Các cổ đông chưa lưu ký hoặc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại tổ chức phát hành.

Bước 6 : Tổng hợp thực hiện quyền và bảo lãnh phát hành

Trong vòng 02 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, các thành viên lưu ký lập và gửi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán báo cáo thực hiện quyền.

Trong vòng 07 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam gửi tổ chức phát hành Danh sách cổ đông thực hiện quyền đối với chứng khoán lưu ký và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa mà tổ chức phát hành đã thông báo.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đặt mua chứng khoán phát hành thêm, từ ngày D+ 50 tổ chức phát hành phải gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Thông báo xác nhận Danh sách người sở hữu đặt mua chứng khoán

Trên cơ sở danh sách cổ đông thực hiện quyền của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và danh sách thực hiện quyền của những cổ đông chưa lưu ký do tổ chức phát hành tổng hợp, tổ chức phát hành sẽ tiến hành chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết cho các nhà đầu tư khác.

Bước 7: Báo cáo kết quả phát hành

Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc việc phát hành, từ ngày D+ 60 tổ chức phát hành sẽ lập báo cáo phát hành gửi UBCKNN và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung chứng khoán phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu, và phối hợp cùng Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.

Bước 8: Chuyển giao cổ phiếu và thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu

Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán, dự kiến trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc việc phát hành, từ ngày D+ 70 DLG sẽ trao chứng nhận sở hữu cổ phiếu.

Xử lý cổ phần lẻ phát sinh và cổ phần do cổ đông không thực hiện quyền mua (nếu có): cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu còn lại do làm tròn xuống và số cổ phiếu các cổ đông không thực hiện quyền mua sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định chào bán cho các nhà đầu tư có nhu cầu (kể cả các cổ đông hiện hữu có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác nhưng vẫn không bán hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn thực góp của các nhà đầu tư và số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Do là doanh nghiệp đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh nên tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu DLG của người nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức phát hành.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu phát hành và chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng

11. Các loại thuế liên quan

Những trình bày tóm tắt về các loại thuế có liên quan dưới đây nhằm mục đích tham khảo và có thể còn thiếu sót các loại thuế khác theo quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần tự nộp thuế theo các quy định của pháp luật

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam được áp dụng đối với mọi tổ chức thực hiện hoạt động thương mại, dịch vụ hoặc kinh doanh tại

Việt Nam có lợi nhuận phát sinh tại Việt Nam từ hoạt động thương mại, dịch vụ hoặc kinh doanh đó.

b. Thuế thu nhập cá nhân

Theo quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân, cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần sẽ phải chịu thuế thu nhập cá nhân. Mức thuế suất và các trường hợp cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần

Toàn bộ số tiền thu từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại **Ngân hàng TMCP Đại Dương – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**
Số tài khoản: **740740.358243.00018**

Địa chỉ: **117 Nguyễn Du – Quận 1 – TP Hồ Chí Minh**

Số điện thoại: 083 5210300

Số fax: 0835210302

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2014, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai tiến hành đăng ký chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm bổ sung vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực tài chính và cải thiện dòng ngân lưu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Cụ thể, để nâng cao năng lực tài chính và cải thiện dòng ngân lưu, công ty sẽ dùng số tiền thu được từ đợt phát hành để đầu tư vào vốn lưu động của các dự án Công ty đang triển khai như: trồng bắp, trồng cao su, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, khai thác và chế biến chì – kẽm và các dự án khác.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Trong đợt phát hành này, Công ty dự kiến chào bán 69.744.898 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 697.448.980.000 đồng sẽ được sử dụng theo kế hoạch bổ sung vốn lưu động vào các dự án đang triển khai như sau:

Bảng 22: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

STT	Dự án	Số tiền (đồng)
1	Dự án trồng bắp (1000 ha) bao gồm cả hệ thống nhà máy sấy	100.000.000.000
2	Dự án mỏ chì – kẽm	50.000.000.000

3	Dự án trồng cao su	50.000.000.000
4	Dự án BOT Gia Lai	100.000.000.000
5	Dự án BOT Đắk Nông	82.000.000.000
6	Trả gốc Ngân hàng Công thương Việt Nam	39.680.000.000
7	Trả gốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	43.723.000.000
8	Trả gốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	6.635.000.000
9	Trả gốc Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam	5.000.000.000
10	Trả lãi vay trung dài hạn của các ngân hàng chưa thu năm 2013	83.840.000.000
11	Bổ sung vốn lưu động	136.570.980.000
	Tổng cộng	697.448.980.000

1. Kế hoạch cụ thể

1.1 Dự án trồng bắp (1.000 ha) bao gồm cả hệ thống nhà máy sấy

❖ Hồ sơ pháp lý

Quyết định số 49/QĐ- HDQT ngày 16/05/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai về việc phê duyệt kinh phí đầu tư và tiến độ thực hiện dự án trồng và kinh doanh Bắp lai

❖ Giới thiệu dự án

- Địa điểm và quy mô dự án

- Tổng diện tích : 1000 ha trong đó : 400 ha trồng tại đất trồng và 600 ha trồng xen canh
- Dự án trồng mới 1.000 ha bắp lai CP 333 và CP 888 , DK 6191 và DK 8868 tại tiểu khu 1131, 1136 xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh (huyện Chư Sê cũ), tỉnh Gia Lai.
- Thúc đẩy sản lượng thu mua từ nông dân thông qua hoạt động khuyến nông và các đối tác liên kết để tạo ra lợi thế nhờ quy mô khi giao dịch với khách hàng trong khu vực lân cận khoảng 6000 ha.

- Hệ thống nhà máy sấy

Sử dụng hệ thống máy sấy có công nghệ từ Nhật Bản; nguồn nguyên liệu cung cấp cho hệ thống hoạt động là củi nhằm tạo ra một lượng nhiệt để hệ thống có thể hoạt động ổn định. Chi tiết hệ thống như sau:

- Hệ thống máy sấy có thiết bị kiểm tra độ ẩm trực tuyến
- Motor sử dụng nhãn hiệu Bonfiglioli của Italia;
- Bạc đạn nhập khẩu trọn bộ từ Nhật;
- Máy sấy được sản xuất theo công nghệ SHIZUOKA Nhật Bản và được nhập khẩu từ Hàng Quốc;
- Lò đốt và các thiết bị phụ trợ do BULER FARMILA sản xuất tại Việt Nam;
- Năng suất xử lý đối với 1 (một) dây chuyền trung bình từ 70 đến 140 tấn/ngày tùy thuộc độ ẩm vào/ra và môi trường.

❖ Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư của dự án: 157.900.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT và bao gồm lãi vay trong thời gian thi công), bao gồm từ các nguồn vốn sau :

- Vốn tự có và huy động khác (63,33%): 100.000.000.000 đồng.
- Vốn vay Ngân hàng (36,67%): 57.900.000.000 đồng.

BẢNG CHỈ TIÊU ĐỊNH MỨC SẢN XUẤT KINH DOANH BẮP LAI

CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐM	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1.Kết Quả Sản Xuất Kinh Doanh				
1.1 Năng suất hạt tươi tự trồng	tấn/ ha	9		
1.2 Giá thành sản xuất hạt sấy tự trồng	VND/ tấn	9	3.000,000	27,000,000,000
1.3 Giá bán hạt sấy bình quân	VND/ tấn	17.550	6.000,000	105,300,000,000
2.Chỉ Phí Đầu Tư Ban Đầu				62,025,000,000
2.1 Chi phí khai hoang đất rừng	VND/ha	400	13,200,000	5,280,000,000
2.2 Chi phí dọn đất sau khai hoang (đào gốc, gom đá, đốt cây)	VND/ha	400	10,200,000	4,080,000,000
2.3 Chi phí đào ao chứa nước	VND/m3	40.000	12,000	480,000,000

2.4 Số lượng máy cày lớn	cái/ 1,000ha	6	890,000,000	5,340,000,000
2.4 Số lượng máy cày trung bình	cái/ 1,000ha	4	600,000,000	2,400,000,000
2.5 Số lượng máy gieo hạt	cái/ 1,000ha	10	30,000,000	300,000,000
2.6 Số lượng xe mooc bồn phun tưới đa dụng (nước, thuốc, phân)	cái/ 1,000ha	10	50,000,000	500,000,000
2.7 Số lượng máy gặt liên hợp	cái/ 1,000ha	2	1,700,000,000	3,400,000,000
2.8 Số lượng ben vận chuyển (tự đổ)	cái/ 1,000ha	5	300,000,000	1,500,000,000
2.9 Đầu tư nhà máy sấy công suất 250 tấn/ ngày đêm	cái/ 1,000ha	1	16,143,000,000	6,143,000,000
2,20 Cơ sở hạ tầng	cái/ 1,000ha	1	22,602,000,000	22,602,000,000
3. Chi Phí Canh Tác				14,875,000,000
3.11 Giống bắp lai Dekalb (xen canh, chịu dầy)	kg/ha	18	95,000	1,710,000,000
3.12 Giống bắp lai CP	kg/ha	18	65,000	1,170,000,000
3.21 Phân đạm	kg/ha	300	10,500	3,150,000,000
3.22 Phân lân	kg/ha	150	3,200	480,000,000
3.23 Phân kali	kg/ha	100	1,500	1,150,000,000
3.31 Thuốc xịt cỏ trước khi xuống giống	lít/ha	1	82,000	82,000,000
3.32 Thuốc xịt cỏ diệt mầm sau khi gieo hạt 1 ngày	lít/ha	1	90,000	90,000,000
3.33 Thuốc xịt cỏ sau khi gieo hạt 25-30 ngày (khi cần)	lít/ha	1	150,000	150,000,000
3.34 Thuốc trừ sâu đục thân sau khi gieo hạt 50 ngày	lít/ha	1	120,000	120,000,000
3.41 Đơn giá tiền nhân công thuê ngoài	VND/ngày	1	150,000	150,000,000
3.42 Định mức nhân công xịt thuốc	ngày công/ha	1.67	150,000	250,500,000
3.43 Định mức nhân công bót lót phân	ngày công/ha	6	150,000	900,000,000

3.44 Định mức nhân công gieo hạt	ngày công/ha	12	150,000	1,800,000,000
3.45 Định mức nhân công bón thúc phân	ngày công/ha	10	150,000	1,500,000,000
3.51 Tiêu hao xăng dầu chạy máy cày	lít/ngày/ha	86,9	25,000	2.172.500.000
4. Giá thu mua hạt tươi từ nông dân (vốn lưu động dùng để thu mua)	VNĐ/ tấn	1	3,000,000	81,000,000,000

❖ **Hiệu quả dự án**

DOANH THU DỰ ÁN CHO NHỮNG NĂM ĐẦU VÀ CUỐI DỰ ÁN

TT	Khoản mục	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2034	Năm 2035
1	Tổng doanh thu	70.000.000	91.000.000	118.300.000	177.450.000	248.430.000
2	Tổng chi phí	49.000.000	63.700.000	82.810.000	124.215.000	173.901.000
3	Lãi gộp	21.000.000	27.300.000	35.490.000	53.235.000	74.529.000
4	Thuế TNDN	4.620.000	6.006.000	7.807.800	11.711.700	16.396.380
5	LN sau thuế	16.380.000	21.294.000	27.682.200	41.523.300	58.132.620

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DỰ ÁN (vòng đời dự án 21 năm)

NPV	98.537.684
IRT	13,0%
Thời gian hoàn vốn	6,8

❖ **Hiện trạng dự án và tiến độ thực hiện**

Diện tích trồng mùa vụ 1 đã trồng xong đúng mùa vụ là : 600 ha còn 400 ha đang tiến hành triển khai trồng đúng theo kế hoạch .

Đối với dự án trồng bắp lai, hiện Công ty sử dụng nguồn vốn tự có hiện tại và chính dự án đó dùng để đối ứng vay ngân hàng, lấy nguồn để tiến hành triển khai đầu tư. Tổng giá trị thực hiện đến thời điểm hiện tại là vốn vay đã được ngân hàng giải ngân.

Tổng Giá trị đã thực hiện đầu tư đến nay: **34.570.400.000 đồng.**

Trong đó:

- Vốn tự có đã tham gia: 0 đồng.
- Vốn đã vay Ngân hàng: 34.570.400.000 đồng.

Nguồn vốn còn thiếu cần bổ sung: **123.329.600.000 đồng**

Trong đó:

- Vốn tự có: 100.000.000.000 đồng.
- Vốn vay Ngân hàng: 23.329.600.000 đồng.

Nguồn vốn dự kiến bổ sung từ đợt phát hành: 100.000.000.000 đồng

1.2 Dự án mỏ chì-kẽm

❖ Hồ sơ pháp lý

- Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 23/06/2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Quyết định số 50/QĐ- DLGL của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai ngày 05/04/2011 về việc phê duyệt dự án đầu tư khai thác và chế biến quặng Chì – Kẽm tại xã Chư Mố, huyện Ia Pa tỉnh Gia Lai
- Quyết định số 01/QĐ- HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai ngày 30/01/2014 về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư khai thác và chế biến quặng Chì – Kẽm tại xã Chư Mố, huyện Ia Pa tỉnh Gia Lai

❖ Quy mô, địa điểm, thông số kỹ thuật

- *Vị trí:*

Dự án đầu tư khai thác và chế biến quặng Chì kẽm xã Chư Mố, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- *Qui mô sử dụng đất:*

Tổng diện tích sử dụng đất: Diện tích mỏ: 35 ha

Công suất nhà máy: 15,000 tấn quặng nguyên khai/năm.

Công suất khai thác thực tế: 12,360 tấn quặng nguyên khai/năm, đạt 1,296 tấn tinh quặng Chì kẽm/ năm

❖ **Tổng mức đầu tư**

Tổng mức đầu tư của dự án: 110.885.986.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT và bao gồm lãi vay trong thời gian thi công), bao gồm từ các nguồn vốn sau :

- Vốn tự có và huy động khác: 52.685.986.000 đồng.
- Vốn xin vay Ngân hàng: 58.200.000.000 đồng.

❖ **Hiệu quả dự án**

DOANH THU DỰ ÁN CHO NHỮNG NĂM ĐẦU VÀ CUỐI DỰ ÁN

TT	Khoản mục	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2036	Năm 2037
1	Tổng doanh thu	40.005.601	42.005.881	44.106.175	117.026.814	122.878.155
2	Tổng chi phí	37.164.511	38.348.258	39.059.839	94.477.475	102.514.371
3	Lãi gộp	2.841.090	3.657.623	5.046.336	22.549.339	20.363.784
4	Thuế TNDN	625.040	804.677	1.110.194	4.960.855	4.480.032
5	LN sau thuế	2.216.050	2.852.946	3.936.142	17.588.484	15.883.752

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DỰ ÁN (vòng đời dự án 23 năm)

NPV	23.634.485
IRT	15,1%
Thời gian hoàn vốn	13,96 năm

❖ **Hiện trạng dự án và tiến độ thực hiện**

Đến nay, Dự án đã xây dựng hoàn thành các hạng mục Xây dựng cơ sở hạ tầng và lắp đặt xong dây chuyền chế biến tinh quặng, đang vận hành chạy thử.

Tình hình thực hiện dự án đến thời điểm hiện nay:

Stt	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Dự toán - Giá trị hợp đồng trước VAT	Giá trị đã thực hiện đến ngày 23/6/2014	Nguồn vốn		Tỷ lệ % hoàn thành
					Vốn TC	Vốn vay	
1	Chi phí xây lắp	TVĐT	63.559.854	20.127.055	618.135	19.508.920	31,66%

2	Chi phí thiết bị	TB	34.074.660	9.732.546	385.484	9.347.062	28,56%
3	Chi phí khác	CP #	4.997.356	433.843	433.843		8,68%
4	Chi phí dự phòng	DP	5.434.416	832.284	439.685	392.599	15,32%
I	Tổng mức đầu tư	TMDT	108.066.286	31.125.272	1.877.147	29.248.580	28,80%
II	Lãi vay thi công	LV	2.819.700	1.246.756	529.479	717.277	44,22%
III	TỔNG CỘNG	TVĐT	110.885.986	32.372.484	2.406.626	29.965.858	29,19%

Hiện nay, Công ty đang thực hiện hoàn thiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận QSD đất xây dựng Nhà máy với diện tích: 8.000 m2 trong tháng 06/2014.

Chi phí xây dựng cơ bản đã hoàn thành hơn 50%, hiện tại Công ty đang bắt đầu triển khai thác dự trữ quặng nguyên khai.

Tổng Giá trị thực hiện đã đầu tư đến nay: **32.372.484.000 đồng.**

Trong đó:

- Vốn tự có đã tham gia: 2.406.626.000 đồng.
- Vốn đã vay Ngân hàng: 29.965.858.000 đồng.

Nguồn vốn còn thiếu cần bổ sung: **78.513.502.000 đồng**

Trong đó:

- Vốn tự có: 50.279.360.000 đồng.
- Vốn vay Ngân hàng: 28.234.142.000 đồng.

Nguồn vốn dự kiến bổ sung từ đợt phát hành: 50.000.000.000 đồng

1.3 Dự án trồng cao su

❖ Hồ sơ pháp lý

- Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000157 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 11/06/2013 về thực hiện dự án Đầu tư phát triển Cây sao su tại xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai
- Quyết định số 09/QĐ-HĐQT- ĐLGL Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai ngày 04/05/2009 về việc phê duyệt dự toán dự án đầu tư trồng mới 948,5 ha cao su tại tiểu khu 1131, 1136 xã IaBlứ, huyện Chư Pưh (Chư Sê cũ) tỉnh Gia Lai Quy mô, địa điểm
- Quyết định số 45/QĐ- ĐLGL Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai ngày 15/11/2011 về việc điều chỉnh dự toán dự án đầu tư

trồng 948,5 ha cao su tại tiểu khu 1131, 1136 xã IaBlứ, huyện Chư Pưh (Chư Sê cũ) tỉnh Gia Lai Quy mô, địa điểm

❖ **Quy mô, địa điểm, thông số kỹ thuật**

- *Vị trí:*

Dự án đầu tư trồng mới 948,5 ha Cao su tại tiểu khu 1131, 1136 xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh (huyện Chư Sê cũ), tỉnh Gia Lai.

- *Qui mô sử dụng đất:*

Tổng diện tích chuyển đổi : 948,5 ha , diện tích trồng được cao su là 858,0 ha loại lâm nghiệp có rừng nghèo do Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn quản lý .

Tổng diện tích đất thuê: 948,5 ha.

Trong đó : - Đất trồng cao su : 858,0 ha.

- Đất xây dựng đường lô, liên lô, hào chống thú: 68,3 km.

- Đất sông suối, đất xấu: 22,20 ha.

❖ **Tổng mức đầu tư**

Tổng mức đầu tư của dự án: 197.861.312.000 đồng (*chưa bao gồm thuế VAT và bao gồm lãi vay trong thời gian thi công*), bao gồm từ các nguồn vốn sau :

- Vốn tự có và huy động khác (31,3%): 59.943.373.000 đồng.
- Vốn vay Ngân hàng (69,7%): 137.917.939.000 đồng.

❖ **Hiệu quả dự án**

DOANH THU DỰ ÁN CHO NHỮNG NĂM ĐẦU VÀ CUỐI DỰ ÁN

TT	Khoản mục	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2036	Năm 2037
1	Tổng doanh thu	50.292.361	73.934.634	96.394.792	37.046.356	51.402.817
2	Tổng chi phí	47.712.027	65.847.642	86.600.956	25.426.784	38.140.176
3	Lãi gộp	2.580.334	8.086.992	9.793.836	11.619.572	13.262.642
4	Thuế TNDN				2.556.306	2.917.781
5	LN sau thuế	2.580.334	8.086.992	9.793.836	9.063.266	10.344.860

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DỰ ÁN (vòng đời dự án 23 năm)

NPV	23.634.485
IRT	15,1%
Thời gian hoàn vốn	13,96

❖ **Hiện trạng dự án và tiến độ thực hiện**

Tiến độ trồng mới và chăm sóc cây cao su như sau :

- Năm 2008: Công ty đã thực hiện hoàn thành khai hoang 349,0 ha, thiết kế lô trồng và trồng mới 260,0 ha.
- Năm 2009: Công ty đã thực hiện hoàn thành khai hoang 599,5 ha, thiết kế lô trồng và trồng mới 464,0 ha. Chăm sóc năm thứ 01: 260 ha.
- Năm 2010: Thực hiện Chăm sóc năm 01: 464 ha và năm 02: 260 ha.
- Năm 2011: Thực hiện chăm sóc năm 2: 464 ha và năm 03: 260. Tiếp tục trồng mới diện tích còn lại: 134 ha.
- Năm 2012: Hoàn thiện các hạng mục nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và làm đường lô, liên lô và hào chống thú.
- Năm 2013 – 2014: Tiếp tục chăm sóc đến khi thu hoạch theo chu kỳ Cây Cao su (01 năm trồng và 06 năm chăm sóc)

Tình hình thực hiện dự án đến thời điểm hiện nay:

Đvt: 1.000 VND

Stt	Hạng mục chi phí	Dự toán - Giá trị hợp đồng giao thầu trước VAT	Giá trị đã thực hiện đến ngày 23/6/2014	Nguồn vốn		Tỷ lệ % hoàn thành
				Vốn TC	Vốn vay	
I	NÔNG NGHIỆP	98.104.851	60.774.863	7.539.969	53.234.894	61,95%
1	Khai hoang (948,5ha)	12.117.294	7.066.317	1.106.317	5.960.000	58,31%
2	Trồng mới và chăm sóc năm trồng	18.190.554	10.899.775	1.149.775	9.750.000	59,92%

3	Chăm sóc cao su năm 1	9.119.099	7.587.158	1.118.685	6.468.473	83,20%
4	Chăm sóc cao su năm 2	9.042.921	6.581.617	851.438	5.730.179	72,78%
5	Chăm sóc cao su năm 3	9.816.969	7.638.366	420.103	7.218.263	77,80%
6	Chăm sóc cao su năm 4	11.829.755	7.093.236	1.142.443	5.950.793	59,96%
7	Chăm sóc cao su năm 5	10.393.392	4.705.059	846.420	3.858.639	45,27%
8	Chăm sóc cao su năm 6	8.580.000	1.793.944	495.397	1.298.547	20,90%
9	Đường chính, lô, liên lô, hào chống thú, chống úng	9.014.866	7.409.391	409.391	7.000.000	82,19%
II	CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC-VKT	3.000.000	1.994.421	494.421	1.500.000	66,48%
III	HỆ THỐNG ĐIỆN SINH HOẠT	500.000	-	-	-	0,0%
IV	THIẾT BỊ	2.050.000	2.050.000	350.000	1.700.000	100,0%
V	CHI PHÍ KHÁC	34.847.382	629.066	629.066	-	1,80%
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	6.750.164	706.222	706.222	-	10,46%
A	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	145.252.397	66.154.572	9.719.678	56.434.894	45,54%
B	Lãi vay thi công	52.608.915	10.615.006	0	10.615.006	20,18%
C	TỔNG CỘNG	197.861.312	76.769.578	9.719.678	67.049.900	38,80%

Tổng Giá trị thực hiện đã đầu tư đến nay: **76.769.578.000 đồng.**

Trong đó:

- Vốn tự có đã tham gia: 9.719.678.000 đồng.

- Vốn đã vay Ngân hàng: 67.049.900.000 đồng.

Nguồn vốn còn thiếu cần bổ sung: **121.091.734.000 đồng**

Trong đó:

- Vốn tự có: 50.223.695.000 đồng.

- Vốn vay Ngân hàng: 70.868.039.000 đồng.

Nguồn vốn dự kiến bổ sung từ đợt phát hành: 50.000.000.000 đồng

1.4 Dự án BOT Gia Lai

❖ Hồ sơ pháp lý

- Quyết định số 1035/QĐ-BGTVT ngày 18/4/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (QL14) đoạn Pleiku – cầu 110, tỉnh Gia Lai, theo hình thức Hợp đồng BOT;
- Quyết định số 1482/QĐ-BGTVT ngày 31/5/2013 của Thứ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt kết quả chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (QL14) đoạn Pleiku – cầu 110, tỉnh Gia Lai, theo hình thức Hợp đồng BOT;
- Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14) đoạn Pleiku (km 1610) – Cầu 110 (Km 1667 + 570) qua tỉnh Gia Lai số 5299/HĐ.BOT-BGTVT ký ngày 07/6/2013
- Giấy Chứng nhận đầu tư số 63/BKHĐT-GCNDTTN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18/10/2013
- Quyết định số 18/Q Đ-H ĐQT ngày 27/08/2013 của Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai về việc góp vốn và cam kết trả nợ thay cho Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Gia Lai vay vốn tại Ngân hàng BIDV

❖ Tóm lược dự án

+ Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14) đoạn Pleiku (Km1610) - Cầu 110 (Km1667+570), tỉnh Gia Lai theo hình thức Hợp đồng BOT.

+ Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Gia Lai

Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Gia Lai là Công ty con do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai nắm giữ 60% vốn điều lệ. Đợt phát hành lần này dự kiến sẽ bổ sung thêm vào vốn góp tại Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Gia Lai để thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14) đoạn Pleiku (km 1610) – Cầu 110 (Km 1667 + 570) qua tỉnh Gia Lai.

❖ Tổng mức đầu tư

- Tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án: 1.775.568.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT, lãi vay trong thời gian thi công và chi phí GPMB)
- Tổng mức đầu tư: 1.600.226.197.000 đồng (đã khấu trừ thuế VAT và bao gồm lãi vay), bao gồm từ các nguồn vốn sau :

- + Vốn tự có và huy động khác (15%): 240.226.197.000 đồng.
- + Vốn vay Ngân hàng (85%): 1.360.000.000.000 đồng.

❖ **Hiệu quả dự án**

DOANH THU DỰ ÁN CHO NHỮNG NĂM ĐẦU VÀ CUỐI DỰ ÁN

TT	Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2035	Năm 2036
1	Tổng doanh thu	167.376.833	177.419.443	188.064.609	581.447.748	199.630.393
2	Tổng chi phí	270.119.069	265.762.619	266.438.261	284.660.622	65.150.350
3	Lãi gộp	(102.742.237)	(88.343.176)	(78.373.651)	296.787.126	134.480.043
4	Thuế TNDN				65.293.168	29.585.610
5	LN sau thuế	(102.742.237)	(88.343.176)	(78.373.651)	231.493.958	104.894.434

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DỰ ÁN (vòng đời dự án 20 năm 4 tháng 2 ngày)

NPV	115.926.687
IRT	12,4%
Thời gian hoàn vốn	16,97

❖ **Hiện trạng dự án và tiến độ thực hiện**

Chi phí xây dựng đã hoàn thành: 13,1%/Giá trị xây lắp, cụ thể đã thi công phần nền đường, móng đường Cấp phối đá dăm lớp dưới: 10 km; móng đường Cấp phối đá dăm lớp trên: 7,0 km, mặt đường Bê tông nhựa hạt trung: 5,0 km. Giải phóng mặt bằng đã đền bù xong trên toàn tuyến đường thi công

ĐVT 1.000 VNĐ

Stt	Hạng mục chi phí	Giá trị dự toán đã bao gồm thuế VAT	Giá trị đã thực hiện đến ngày 23/6/2014	Nguồn vốn		Tỷ lệ % hoàn thành
				Vốn TC	Vốn vay	
1	Chi phí xây dựng	951.218.811	124.592.267	24.094.954	100.497.313	13,1%

2	CP TB + QLDA + khác	95.122.000	25.270.989	16.928.753	19.499.742	26,6%
3	Chi phí Đền bù GPMB	30.000.000	16.515.310	1.053.343	15.461.967	55,1%
4	Dự phòng phí	349.999.880	681.340			0,2%
I	Tổng cộng (1+2+3+4)	1.426.340.691	167.059.906	31.600.884	135.459.022	11,7%
II	Lãi vay thời gian XD	173.885.505	742.026	-	742.026	0,4%
III	Tổng mức đầu tư	1.600.226.196	167.801.932	31.600.884	136.201.048	10,5%

Tổng Giá trị đã thực hiện đầu tư đến nay: **167.801.932.000 đồng.**

Trong đó

- Vốn tự có đã tham gia: 31.600.884.000 đồng.

- Vốn đã vay Ngân hàng: 136.201.048.000 đồng.

Nguồn vốn còn thiếu cần bổ sung: **1.432.424.265.000 đồng**

Trong đó

- Vốn tự có: 208.625.313.000 đồng.

- Vốn đã vay Ngân hàng: 1.223.798.952.000 đồng.

Nguồn vốn dự kiến bổ sung từ đợt phát hành: 100.000.000.000 đồng

1.5 Dự án BOT Đăk Nông

❖ Hồ sơ pháp lý

- Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Km817 ÷ Km887 theo hình thức BOT
- Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh TMDT dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Km817 ÷ Km887 theo hình thức BOT
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 63121000079 của UBND tỉnh Đăk Nông cấp lần đầu ngày 01/09/2010, thay đổi lần thứ 3 ngày 04/04/2014
- Hợp đồng Xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐBOT ngày 01/09/2010 Dự án: Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 14 đoạn

Km817+00 – Km887+00 tỉnh Đắk Nông theo hình thức BOT ký giữa UBND tỉnh Đắk Nông và Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Đắk Nông.

- Phụ lục Hợp đồng số 09 ngày 21/05/2014 kèm theo Hợp đồng Xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐBOT ngày 01/09/2010 Dự án: Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 14 đoạn Km817+00 – Km887+00 theo hình thức BOT ký giữa UBND tỉnh Đắk Nông và Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Đắk Nông.
- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 24/05/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai về việc điều chỉnh tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Đắk Nông để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 14 đoạn Km817+00 – Km887+00 theo hình thức BOT

❖ **Tóm lược dự án**

+ Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Km 817 – Km887, tỉnh Đắk Nông, theo hình thức Hợp đồng BOT.

+ Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Đắk Nông

Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Đắk Nông là Công ty con do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai nắm giữ 65% vốn điều lệ. Đợt phát hành lần này dự kiến sẽ bổ sung thêm vào vốn góp tại Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Đắk Nông để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 14 đoạn Km817+00 – Km887+00 theo hình thức BOT.

❖ **Tổng mức đầu tư**

- Tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án: 1.391.061.609.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT, lãi vay trong thời gian thi công và chi phí GPMB)
- Tổng mức đầu tư: 1.246.484.786.000 đồng (đã khấu trừ thuế VAT và bao gồm lãi vay), bao gồm từ các nguồn vốn sau :
 - + Vốn tự có và huy động khác (20%): 249.484.786.000 đồng
 - + Vốn vay Ngân hàng (80%): 997.000.000.000 đồng.

❖ Hiệu quả dự án

DOANH THU DỰ ÁN CHO NHỮNG NĂM ĐẦU VÀ CUỐI DỰ ÁN

TT	Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2030	Năm 2031
1	Tổng doanh thu	167.376.833	177.419.443	188.064.609	346.558.134	70.882.690
2	Tổng chi phí	230.199.901	232.287.861	233.652.777	169.223.325	47.095.256
3	Lãi gộp	(62.823.068)	(54.868.418)	(45.588.167)	177.334.808	23.787.435
4	Thuế TNDN	-	-	-	39.013.658	5.233.236
5	LN sau thuế	(62.823.068)	(54.868.418)	(45.588.167)	138.321.151	18.554.199

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DỰ ÁN (vòng đời dự án 17 năm 8 tháng 3 ngày)

NPV	190.830.457
IRT	11,5%
Thời gian hoàn vốn	12,13

❖ Hiện trạng dự án và tiến độ thực hiện

Hiện nay, Công ty đang tiếp tục thực hiện hoàn thiện hệ thống thoát nước, công tác đảm bảo an toàn giao thông trong tình hình thời tiết khu vực Tây nguyên đang trong mùa mưa. Dự kiến đến cuối năm 2014 Xây dựng hoàn thành lớp Bê tông nhựa hạt trung trên toàn tuyến đảm bảo thông tuyến đường và đi vào thu phí hoàn vốn cho dự án.

Chi phí xây dựng cơ bản đã hoàn thành: 58,9%/Giá trị xây lắp, cụ thể đã thi công phần nền đường, móng đường Cấp phối đá dăm lớp dưới: 35,8 km; móng đường Cấp phối đá dăm lớp trên: 35,3 km, mặt đường Bê tông nhựa hạt trung: 35,3 km, mặt đường Bê tông nhựa hạt mịn: 14,7 km, hệ thống thoát nước: 23,7 km. Giải phóng mặt bằng đã đền bù giai đoạn 01 đảm bảo mặt bằng thi công trên toàn tuyến.

Tình hình triển khai thực hiện dự án đến thời điểm hiện nay:

Đvt: 1.000 VND

Stt	Hạng mục chi phí	Giá trị dự toán chưa bao gồm thuế VAT	Giá trị đã thực hiện đến ngày 23/6/2014	Nguồn vốn		Tỷ lệ % hoàn thành
				Vốn TC	Vốn vay	
1	Chi phí xây dựng	880.818.224	448.441.719	129.591.719	318.850.000	58,9%
2	CPTB +QLĐA+TV+khác	62.837.764	44.973.301	24.221.301	20.752.000	71,6%

3	Chi phí Đền bù GPMB	39.857.000	8.991.859	521.859	8.470.000	22,6%
4	Dự phòng phí	136.827.032				0,0%
I	Tổng cộng (1+2+3+4)	1.120.340.020	502.406.880	154.334.880	348.072.000	51,1%
II	Lãi vay trong thời gian xây dựng	126.144.766	21.371.992	6.251.992	15.120.000	16,9%
III	Tổng mức đầu tư	1.246.484.786	523.778.872	160.586.872	363.192.000	47,6%

Tổng Giá trị đã thực hiện đầu tư đến nay: **523.778.872.000 đồng.**

Trong đó:

- Vốn tự có đã tham gia: 160.586.872.000 đồng
- Vốn đã vay Ngân hàng: 363.192.000.000 đồng.

Nguồn vốn còn thiếu cần bổ sung: **722.705.914.000 đồng.**

Trong đó:

- Vốn tự có: 88.897.914.000 đồng
- Vốn vay Ngân hàng: 633.808.000.000 đồng.

Nguồn vốn dự kiến bổ sung từ đợt phát hành: **82.000.000.000 đồng**

1.6 Bổ sung vốn lưu động, giảm nợ vay đến hạn

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, để đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cao hơn rất nhiều so với những năm trước, Công ty cần phải bổ sung một lượng vốn lưu động nhằm tăng doanh thu cho Công ty. Mặt khác, hiện tại Công ty cũng có một số các khoản nợ đến hạn trả, việc giảm nợ vay đến hạn trả giúp Công ty chủ động trong tình hình tài chính, giảm các áp lực về hệ số thanh toán để tiến tới hoàn thành kế hoạch tài chính năm 2014 và những năm tiếp theo. Vì vậy, số tiền thu được từ đợt phát hành còn lại sau khi bổ sung trực tiếp vào vốn lưu động của các dự án đang triển khai sẽ được dùng để trả nợ đến hạn giảm nợ vay và bổ sung vào vốn lưu động đối với hoạt động kinh doanh hàng ngày với mục đích tăng doanh thu, cụ thể như sau :

2. Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:

Công ty dự kiến tỷ lệ chào bán thành công là 100%. Trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, phần vốn còn thiếu, Công ty dự kiến sẽ vay ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các đối tượng khác để triển khai các dự án, tùy thuộc vào điều kiện thị trường và đảm bảo được lợi ích tối đa của Công ty.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

- Trụ sở: *Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng*
- Điện thoại: *(84-511) 3655 886* Fax: *(84-511) 3655 887*
- Website: *www.acc.com.vn*

TỔ CHỨC TƯ VẤN:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG**

- Trụ sở: *11 Nguyễn Thị Diệu, phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.*
- Điện thoại: *(84-8) 3930. 8181* Fax: *(84-8) 3930. 6543*
- Website: *www.vdse.com.vn*

Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt phát hành:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 28/4/2014, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai tiến hành đăng ký phát hành thêm 79.509.182 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nhằm bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo đó, Công ty dự kiến phát hành thêm 4.184.693 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6% và phát hành thêm 5.579.591 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 8%. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 thì Công ty có đủ nguồn để thực hiện việc phát hành thêm này theo đúng quy định.

Ngoài ra, Công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu 69.744.898 cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong thời gian qua, cùng với xu hướng biến động chung của thị trường chứng khoán, giá giao dịch cổ phiếu của công ty nhiều khi thấp hơn mệnh giá. Giai đoạn tháng 4-5, giá giao dịch bình quân của cổ phiếu DLG khoảng 8.500 đồng / cổ phiếu, thấp hơn so với giá công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu. Để phòng rủi ro có cổ đông không thực hiện quyền trong trường hợp thị trường chứng khoán tiếp tục có những diễn biến xấu, Công ty đã dự phòng trường hợp số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền sẽ được chào bán cho các nhà đầu tư có nhu cầu (kể cả các cổ đông hiện hữu có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Với triển vọng thị trường chứng khoán đang có những dấu hiệu phục hồi sau những biến động vừa qua, cùng với kết quả kinh doanh quý 1/2014 và kế hoạch kinh doanh đột biến nhưng rất khả quan của Công ty năm 2014, Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty có khả năng thành công trong đợt chào bán.

Bên cạnh đó, Công ty dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán vào việc bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty để đầu tư vào các dự án Công ty đang triển khai như: trồng bắp, trồng cao su, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, khai thác và chế biến chè – kềm và nâng cao năng lực tài chính, cải thiện dòng ngân lưu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các dự án trên đã được Công ty khảo sát, nghiên cứu kỹ lưỡng về hiệu quả kinh tế, tính khả thi cũng như lên dự toán chi phí. Tuy không thể bỏ qua các yếu tố rủi ro có thể xảy ra với bất kỳ dự án nào, nhưng Tổ chức tư vấn cho rằng các dự án Công ty đang dự định triển khai đều có tính khả thi và hiệu quả kinh tế cao, có thể mang lại doanh thu và lợi nhuận khả quan cho Công ty trong thời gian tới và thu hút sự quan tâm cao của các cổ đông và nhà đầu tư. Vì vậy, Tổ chức tư vấn đánh giá khả năng thành công của phát hành là hoàn toàn khả khi.

IX. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh;
- 2. Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty;
- 3. Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2012, 2013; Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 1/2014
- 4. Phụ lục IV:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS;

Gia Lai, ngày 2 tháng 2 năm 2014

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BUI PHÁP

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ANH HÙNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ NGỌC MINH



VŨ THỊ HẢI

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG



TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH TUYỀN